

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ THANH TUẤN

**KIỂM SÁT ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ CÓ BỊ CAN LÀ NGƯỜI
CHƯA THÀNH NIÊN TỪ THỰC TIỄN TỈNH BẮC NINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. LÊ TIẾN CHÂU

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác./.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Ngô Thanh Tuấn

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| MỞ ĐẦU..... | 1 |
| Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên của Viện kiểm sát nhân dân..... | 8 |
| 1.1. Những vấn đề lý luận về công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên..... | 8 |
| 1.2. Đặc điểm công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên..... | 13 |
| 1.3. Hoạt động kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân đối với vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên..... | 17 |
| Chương 2: Thực trạng công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh... | 33 |
| 2.1. Tình hình kinh tế - xã hội và cơ cấu tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh..... | 33 |
| 2.2. Thực trạng của tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ 2011-2015..... | 36 |
| 2.3. Những kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên..... | 45 |
| Chương 3: Yêu cầu và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên từ thực tiễn của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh..... | 56 |
| 3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh..... | 56 |
| 3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới..... | 62 |
| KẾT LUẬN..... | 79 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 81 |

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

| | |
|-------------|--------------------------------|
| 1. BLHS | Bộ luật hình sự |
| 2. BLTTHS | Bộ luật tố tụng hình sự |
| 3. CQĐT | Cơ quan điều tra |
| 4. ĐTV | Điều tra viên |
| 5. KSV | Kiểm sát viên |
| 6. KSĐT | Kiểm sát điều tra |
| 7. KSXX | Kiểm sát xét xử |
| 8. NCTN | Người chưa thành niên |
| 9. TAND | Tòa án nhân dân |
| 10. TANDTC | Tòa án nhân dân tối cao |
| 11. THQCT | Thực hành quyền công tố |
| 12. TNHS | Trách nhiệm hình sự |
| 13. TTHS | Tố tụng hình sự |
| 14. VKSND | Viện kiểm sát nhân dân |
| 15. VKSNDTC | Viện kiểm sát nhân dân tối cao |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| Nội dung bảng | Trang |
|---|-------|
| Bảng 2.1: Số liệu thống kê các vụ án hình sự, bị can trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015..... | 85 |
| Bảng 2.2: Số vụ án hình sự và số bị can là người chưa thành niên so với tổng số vụ án hình sự và tổng số bị can trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015..... | 86 |
| Bảng 2.3: Số liệu thống kê các loại tội phạm hình sự do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015..... | 87 |
| Bảng 2.4: Số liệu nhân thân người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015..... | 88 |
| Bảng 2.5: Số liệu về kết quả xử lý của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015..... | 89 |

Nguồn: Báo cáo thống kê kỳ 12 tháng các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh [38]

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nước ta hội nhập, mở rộng hợp tác giao lưu quốc tế, thế hệ trẻ đầy năng động, sáng tạo, là nhân tố quan trọng quyết định tương lai tươi sáng của dân tộc. Với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội mà đa số thanh thiếu niên sống có lý tưởng, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, phấn đấu vươn lên trong học tập, lao động cũng như trong chiến đấu, cống hiến sức lực, trí tuệ của mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tuy nhiên, bên cạnh đó, phải thừa nhận một thực tế hiện nay có một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên ở độ tuổi chưa thành niên không chịu tu dưỡng, rèn luyện, sống buông thả, đua đòi dẫn đến thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là tội phạm. Tội phạm do NCTN gây ra là nỗi đau của gia đình, cha mẹ đồng thời là vấn đề gây nhức nhối trong xã hội.

Theo quy định của BLHS và BLTTHS, điều tra tội phạm là một trong những hoạt động tư pháp quan trọng của Nhà nước ta nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội phải được điều tra làm rõ. KSĐT là một chức năng hoạt động của VKSND trong quá trình giải quyết án hình sự. KSĐT vụ án hình sự có vai trò quan trọng trong hoạt động TTHS nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó KSĐT còn có vai trò đảm bảo cho mọi hành vi vi phạm và tội phạm phải được phát hiện, xử lý chính xác, kịp thời, nhanh chóng và công minh nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự, kỷ cương của pháp luật. Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này, thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng và hoàn thiện chủ trương, chính sách cũng như nhiều quy định pháp luật liên quan. Với một cơ sở pháp lý ngày càng hoàn thiện, hoạt động KSĐT đã góp phần quan trọng, đảm bảo việc truy tố đúng

người, đúng tội và giảm oan sai, nhất là trong KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN.

Tỉnh Bắc Ninh là cửa ngõ phía bắc của thủ đô Hà Nội, nằm trong khu vực trọng điểm kinh tế phía Bắc của đất nước. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế nhanh, Bắc Ninh cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội nảy sinh cần giải quyết, trong đó có vấn đề đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, đặc biệt là số vụ án có bị can là NCTN ở tỉnh Bắc Ninh mặc dù xảy ra không nhiều, nhưng diễn biến phức tạp. Số vụ án có bị can là NCTN có xu hướng ngày càng tăng. Trong khi đó, mặc dù là địa phương có diện tích không lớn nhưng lại tiếp giáp với 5 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, điều kiện giao thông thuận lợi... đã gây không ít khó khăn cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và hoạt động KSĐT đối với vụ án hình sự có bị can là NCTN nói riêng.

Thực tiễn hoạt động KSĐT đối với tội phạm có bị can là NCTN ở tỉnh Bắc Ninh thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả. Sự phối hợp giữa CQĐT và VKSND về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm. Tuy nhiên, qua tổng kết, đánh giá thực tế còn thấy rằng, công tác KSĐT của VKSND vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: Nhiều đơn vị, nhiều KSV không thực hiện công tác KSĐT ngay từ khi phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm, còn thụ động trong hoạt động KSĐT đối với hoạt động điều tra của CQĐT, nhiều vụ án còn bị kéo dài phải gia hạn điều tra, còn để lọt hành vi phạm tội, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị can, thậm chí nhiều vụ án phải điều tra bổ sung, hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại... Để tăng cường pháp chế cũng như hoạt động giám sát, kiểm tra trong kiểm sát các hoạt động tư pháp nói chung và nâng cao chất lượng hoạt động trong KSĐT đối với tội phạm có bị can là NCTN nói riêng cần phải nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của VKSND.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, đồng thời để hoạt động này của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh ngày một tốt hơn, nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và đòi hỏi của xã hội nói chung, tác giả chọn đề tài: ***“Kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh”***.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến NCTN phạm tội và công tác KSĐT vụ án hình sự có bị can là người NCTN đã được một số nhà khoa học và cán bộ làm công tác thực tiễn tiến hành, công bố trong nhiều công trình khoa học. Việc nghiên cứu đề tài này đã được thể hiện trong các đề tài khoa học, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, một số giáo trình giảng dạy và được đăng tải thường xuyên và liên tục trên các tạp chí, báo, đài từ Trung ương đến địa phương. Tác giả đã tiếp cận một số đề tài về hoạt động kiểm sát điều tra của VKSND trong những năm gần đây như:

- Các đề tài khoa học, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ: Đỗ Văn Dương (2005), đề tài khoa học cấp Bộ: *“Cơ sở lý luận và thực tiễn của thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự”*; Vũ Thị Thu Quyên (2015), luận án tiến sĩ *“Pháp luật về quyền của người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam”*; Nguyễn Văn Uyên (2015), luận văn thạc sĩ *“Tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*; Nguyễn Như Nghiêm (2015), luận văn thạc sĩ *“Kiểm sát điều tra các vụ án xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức – Thành phố Hà Nội”*.

- Các sách chuyên khảo như: Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014), *Luật hình sự Việt Nam- Phần chung*, Nxb. khoa học xã hội, Hà Nội; Lê Hữu Thế chủ biên (2008), *“Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra”*; Viện khoa học kiểm sát VKSNDTC (2006),

“Sổ tay kiểm sát viên hình sự”; Ngô Văn Độn chủ biên (2005), *Tập đề cương bài giảng tư pháp người chưa thành niên*.

- Các bài viết, nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí của Trung ương như: Trần Văn Dũng, *“Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội”* Tạp chí Luật học, số 5/2000; Trương Minh Mạnh, *“Phân loại tội phạm với việc qui định trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên”*, Tạp chí Kiểm sát, số 8/2002; Hà Mạnh Trí, *“Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp góp phần đẩy mạnh cải cách tư pháp”*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 1/2003; Lê Cẩm, *“Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự”*, Tạp chí Kiểm sát, số 2/2004; Lại Hợp Việt: *“Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của viện kiểm sát nhân dân trước yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế”*, Tạp chí kiểm sát, số 6/2010; Trần Công Phàn, *“Một số vấn đề về chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp”*, Tạp chí Kiểm sát 03/2012; Lê Thị Tuyết Hoa, *“Thực trạng và một số kiến nghị nhằm tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”*, Tạp chí Kiểm sát số 08/2014.

Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập các vấn đề về quyền, trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên và đề cập các góc độ khác nhau của hoạt động Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, chưa có đề tài nào tập trung nghiên cứu vấn đề Kiểm sát điều tra đối với vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh. Những nội dung nào chưa được đề cập, tác giả sẽ dành sự quan tâm, nghiên cứu trong đề tài này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu của luận văn

Qua việc nghiên cứu làm rõ thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân của những kết quả đã đạt được, hạn chế, tồn tại, luận văn dự báo tình hình tội phạm và đề xuất các giải pháp đảm bảo cho hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đúng quy định của pháp luật, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên, luận văn có những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về KSĐT vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh.

- Phân tích, đánh giá thực trạng, làm rõ những ưu điểm cũng như những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại về công tác KSĐT vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015.

- Dự báo tình hình tội phạm và đề xuất những giải pháp nhằm đảm bảo cho hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN trên địa tỉnh Bắc Ninh thực hiện đúng quy định của pháp luật, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN của VKSND ở tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể bắt đầu từ khi phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm xảy ra đến

khi kết thúc việc điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định truy tố hoặc đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Luận văn tập trung phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến hết năm 2015. Những vấn đề về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát không nằm trong nội dung luận văn này.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu đề tài

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

5.1. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Luận văn sử dụng các phương pháp của triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử như phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp lịch sử cụ thể. Ngoài ra, luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu của các khoa học khác như thống kê tội phạm, luật học so sánh, phương pháp hệ thống...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Làm rõ đặc điểm, nguyên nhân, điều kiện thực hiện tội phạm của NCTN; dự báo tình hình tội phạm do NCTN gây ra trong thời gian tới từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh.

- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh, làm rõ những đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác KSĐT nói chung và công tác KSĐT đối với NCTN phạm tội nói riêng.

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng công tác KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN của VKSND ở tỉnh Bắc Ninh và đề ra các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác KSĐT trong lĩnh vực này, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, góp phần làm ổn định trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên của Viện kiểm sát nhân dân

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh

Chương 3: Những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên từ thực tiễn của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ
CÓ BỊ CAN LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1. Những vấn đề lý luận về công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

1.1.1. Khái niệm người chưa thành niên

Khái niệm NCTN là một khái niệm phổ biến đã được dùng trong nhiều ngành khoa học, nhưng ở mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, lại có những quan niệm khác nhau về NCTN.

Khái niệm NCTN theo Từ điển tiếng Việt: “*Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần cũng như chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân*” [40]. Theo quy định tại Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1990 thì “*Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó có quy định tuổi thành niên sớm hơn*”. Bên cạnh Công ước về quyền trẻ em thì Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với NCTN (Quy tắc Bắc Kinh) do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 14/12/1992, cũng là một văn bản pháp luật quốc tế quan trọng đề cập đến khái niệm “*người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi*” như là một sự kế thừa của Công ước về Quyền trẻ em. Quy tắc Riát về phòng ngừa phạm pháp ở NCTN được Liên Hợp Quốc thông qua ngày 14/12/1990, mặc dù không đưa ra một cách cụ thể về khái niệm NCTN, song thông qua các quy định cũng giúp chúng ta hiểu NCTN là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, do sự phát triển của từng quốc gia khác nhau, nên khái niệm NCTN ở các quốc gia cũng khác nhau, bên cạnh việc đưa ra khái niệm này thì Công ước về Quyền trẻ em vẫn

còn những điều khoản để ngõ cho các nước quy định về độ tuổi cho NCTN, thậm chí ngay trong một quốc gia các văn bản pháp luật cũng quy định không thống nhất về vấn đề này.

Theo pháp luật Việt Nam, từ những kinh nghiệm được thừa nhận trong quá khứ, dựa trên những thành tựu do các ngành khoa học khác mang lại cũng như tiếp thu các văn bản pháp luật quốc tế mà các nhà làm luật đã đưa ra khái niệm về NCTN, tùy theo từng lĩnh vực điều chỉnh của từng ngành luật, như sau: Điều 18 Bộ luật Dân sự Việt Nam quy định: *“Người từ đủ mười tám tuổi trở lên là người thành niên. Người chưa đủ mười tám tuổi là người chưa thành niên”* [16] và Bộ luật lao động Việt Nam cũng quy định: *“Người lao động chưa thành niên là người dưới 18 tuổi”* [21]. Như vậy, có thể thống nhất một quan điểm là NCTN là người dưới 18 tuổi. Quan niệm này cũng hoàn toàn phù hợp với Công ước quốc tế về quyền trẻ em ngày 20/2/1990 mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Theo quy định của BLHS năm 1999 thì NCTN là những người chưa đủ 18 tuổi, nhưng chỉ những NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi mới phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội, còn người chưa thành niên dưới 14 tuổi thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong đó, người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, còn người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm (Điều 12 của BLHS năm 1999) [17].

Vấn đề đặt ra là tại sao pháp luật hình sự lại quy định người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự và người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm nhất định? Quy định này của BLHS năm 1999 về mặt lý luận có thể hiểu, người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà

họ gây ra vì người chưa đủ 14 tuổi, trí tuệ chưa phát triển đầy đủ nên chưa nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội về hành vi của mình, chưa đủ khả năng tự chủ khi hành động nên họ không bị coi là có lỗi về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện. Một hành vi được coi là không có lỗi cũng tức là không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên họ không phải chịu trách nhiệm hình sự (loại trừ trách nhiệm hình sự). Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi được coi là người chưa có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Do đó, họ cũng chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm (rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng) chứ không phải chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các tội phạm. Do ở độ tuổi này sự phát triển vẫn chưa thực sự hoàn chỉnh về nhận thức, sự hiểu biết... còn hạn chế nhất định. Vì vậy, chính sách hình sự đối với người phạm tội ở độ tuổi này được quy định cho phù hợp với thực tiễn vừa đảm bảo sự nghiêm minh, vừa thể hiện chính sách nhân đạo trong pháp luật hình sự của Đảng và Nhà nước ta, lấy giáo dục thuyết phục là chủ yếu. Chính vì vậy, Điều 68, Chương X BLHS năm 1999 quy định: “*Người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại chương này và các quy định trong phần chung của BLHS*” [17].

1.1.2. Khái niệm kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

Theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, BLTTHS năm 2003, Viện kiểm sát vừa được giao trách nhiệm THQCT, vừa thực hiện chức năng KSĐT vụ án hình sự, nhằm đảm bảo việc khởi tố, điều tra có căn cứ và hợp pháp, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, góp phần bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Trong lĩnh vực hình sự, THQCT và KSĐT là khâu công tác quan trọng, có ý nghĩa nền tảng, then chốt, làm cơ sở cho toàn bộ quá trình thực hiện chức năng của Viện kiểm sát trong TTHS. Hai chức năng này độc lập có đối tượng tác động và nội dung khác nhau nhưng chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Kết quả của hoạt động kiểm sát là cơ sở cho hoạt động công tố có hiệu quả và ngược lại kết quả việc THQCT cũng là tiền đề cho hoạt động KSĐT.

KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN được hiểu là hoạt động của Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật hình sự phát sinh trong giai đoạn điều tra, nhằm đảm bảo cho quá trình điều tra vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Pháp luật TTHS nước ta quy định, CQĐT phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can. Các biện pháp mà CQĐT áp dụng trong điều tra rất nhiều, tuy nhiên có thể xem xét ở hai nhóm sau:

Thứ nhất, các biện pháp tố tụng nhằm thu thập và kiểm tra chứng cứ gồm: Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, khám xét, thu giữ vật chứng, giám định, nhận dạng... Việc áp dụng các biện pháp TTHS để tiến hành điều tra vụ án hình sự có bị can là NCTN của CQĐT được gọi là các hoạt động điều tra. Trong đó VKSND mà chủ thể là KSV được phân công có trách nhiệm kiểm sát hoạt động điều tra nhằm đảm bảo cho các hoạt động này đúng theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, các biện pháp nhằm thực hiện các Quyết định tố tụng quan trọng của các Cơ quan tiến hành tố tụng như: Quyết định khởi tố vụ án, bị

can; áp dụng thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn (bắt, tạm giữ, tạm giam); đình chỉ điều tra vụ án; tạm đình chỉ điều tra vụ án có bị can là NCTN.

Các biện pháp trên khi áp dụng đều liên quan trực tiếp tới các quyền cơ bản của công dân nên đòi hỏi việc áp dụng phải tuân thủ đúng về trình tự theo quy định của pháp luật. Nên rất cần việc giám sát chặt chẽ đảm bảo quá trình điều tra vụ án hình sự có bị can là NCTN được thực hiện theo đúng quy định của BLTTHS năm 2003 là trách nhiệm của VKSND. KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN của VKSND thực chất là kiểm sát việc tuân theo pháp luật các hoạt động tư pháp của CQĐT và các Cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra trong quá trình giải quyết vụ án hình sự có bị can là NCTN nhằm bảo đảm việc khởi tố, điều tra đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội.

Từ những vấn đề trên, chúng ta cần xem xét đối tượng và phạm vi của hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN. Đối tượng của hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN là sự tuân thủ pháp luật của các chủ thể tiến hành hoạt động điều tra (về thẩm quyền, thời hạn, thủ tục điều tra...) và các chủ thể khác tham gia quan hệ pháp luật TTHS phát sinh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự gồm:

- + Sự tuân thủ pháp luật của CQĐT khi tiến hành các hoạt động tố tụng như khám nghiệm hiện trường, khởi tố vụ án, bị can, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, hỏi cung bị can... Với đối tượng tác động này, hoạt động KSĐT nhằm hướng tới mục đích đảm bảo sự tuân thủ pháp luật của CQĐT trong giai đoạn điều tra. Theo quy định của pháp luật thì các CQĐT gồm có: CQĐT của Công an nhân dân; CQĐT trong Quân đội nhân dân; CQĐT của VKSNDTC

- + Sự tuân thủ pháp luật của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển, Kiểm ngư...

+ Sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra vụ án, gồm có người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Phạm vi của KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN bắt đầu từ khi có sự kiện phạm tội xảy ra hoặc phát hiện được dấu hiệu của tội phạm cho tới khi kết thúc điều tra bằng bản kết luận điều tra của cơ quan có thẩm quyền chuyển Viện kiểm sát đề nghị truy tố hoặc khi CQĐT đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra vụ án. Việc xác định phạm vi như vậy là thể hiện tính đầy đủ, toàn diện của hoạt động điều tra vụ án hình sự của VKSND, cũng như thể hiện đầy đủ bản chất pháp lý của hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự, trong đó có vụ án hình sự có bị can là NCTN, là kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp trong hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra.

Từ những nội dung trên, có thể định nghĩa về KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN như sau: *KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN là chức năng hiến định của VKSND, có nội dung là giám sát trực tiếp mọi hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án hình sự có bị can là NCTN, nhằm đảm bảo cho pháp luật TTHS được thực hiện một cách nghiêm chỉnh và thống nhất.*

1.2. Đặc điểm công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

Hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN mang đầy đủ các đặc điểm của hoạt động KSĐT các vụ án hình sự, nhưng do đối tượng đặc thù là NCTN phạm tội nên hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN có những đặc điểm riêng sau:

Thứ nhất, công tác KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN luôn gắn với quan điểm, đường lối chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Người chưa thành niên phạm tội là một hiện tượng thực tế, tồn tại trong tất cả các xã hội, tình trạng NCTN phạm tội ở Việt Nam diễn biến rất phức tạp. Do chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm, sinh lý, họ bị hạn chế về trình độ nhận thức cũng như về kinh nghiệm sống, thiếu những điều kiện về bản lĩnh tự lập, khả năng tự kiểm chế chưa cao nên họ dễ bị kích động, dễ bị lôi kéo vào hoạt động tội phạm. Chính vì vậy, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề giải quyết tội phạm về NCTN không phải chỉ giải quyết vụ án, trừng trị tội phạm mà mục đích để giáo dục người phạm tội, ngăn ngừa tội phạm không để hành vi phạm tội tiếp tục xảy ra. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng không chỉ áp dụng trong quá trình KSĐT của VKSND mà còn trong quá trình truy tố, xét xử đối với đối tượng này.

Thứ hai, công tác KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN phải luôn chú trọng đến việc làm rõ các yếu tố nhân thân, điều kiện phạm tội và các yếu tố khác ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của NCTN.

Khi tiến hành KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN, ngoài việc phải chứng minh tất cả những vấn đề thuộc đối tượng chứng minh như vụ án hình sự khác theo quy định tại Điều 63, BLTTHS năm 2003, ngoài ra các cơ quan tiến hành tố tụng cần xác định rõ:

- Độ tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của NCTN: Xác định tuổi của NCTN phạm tội là vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định việc có truy cứu hay không truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây đồng thời là căn cứ để xem xét, quyết định các vấn đề về sự tham gia của người bào chữa; loại và mức hình phạt dự kiến áp dụng; miễn hình phạt; áp dụng biện pháp tư pháp.

- Điều kiện sinh sống và giáo dục của NCTN: Điều kiện sinh sống và giáo dục có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển về nhân sinh quan và thế giới quan của mọi người nói chung, đặc biệt là đối với NCTN. Điều kiện sinh sống của gia đình, thái độ, xử sự của cha, mẹ và người thân trong gia đình; điều kiện học tập và sinh hoạt ở trường, đoàn thể, nơi ở là những yếu tố ảnh hưởng lớn tới sự hình thành và phát triển nhân cách của NCTN.

- Xác định có hay không có người thành niên xúi giục NCTN phạm tội: NCTN còn trong độ tuổi phát triển và hoàn thiện về thể chất, tâm lý. Việc xác định rõ có người thành niên xúi giục NCTN hay không có ý nghĩa quan trọng, vì trong trường hợp cụ thể đây có thể là những tình tiết xác định có truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ hay không hoặc áp dụng một trách nhiệm hình sự phù hợp đối với từng trường hợp được chính xác. Mặt khác nó giúp cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện và trừng trị kẻ đã xúi giục.

- Xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội: Việc xác định và đánh giá đúng nguyên nhân và điều kiện phạm tội ở NCTN của các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ giúp cho việc giải quyết vụ án đúng đắn, thấu tình, đạt lý, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của của NCTN phạm tội. Mặt khác, xác định đúng nguyên nhân, điều kiện phạm tội sẽ tạo điều kiện để cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm nói chung, tội phạm do NCTN thực hiện nói riêng, thực hiện phòng ngừa tội phạm một cách có hiệu quả.

Thứ ba, Công tác kiểm sát điều tra các vụ án hình sự có bị can là NCTN phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng đối với NCTN theo nguyên tắc áp dụng các quy định riêng, đặc thù, sau đó mới áp dụng các quy định chung của Bộ luật tố tụng hình sự.

Thủ tục tố tụng đối với các vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên trước hết phải áp dụng theo quy định tại Chương XXXII, BLTTHS 2003 về “thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên”, đồng thời theo những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự không trái với những quy định tại Chương XXXII.

Chương XXXII, BLTTHS 2003 quy định về thủ tục tố tụng liên quan đến người chưa thành niên phạm tội, tức là, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo chưa thành niên. Các quy định này tập trung vào các nội dung chủ yếu là: những yếu tố cần phải xác định rõ trong vụ án người chưa thành niên; vấn đề áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can, bị cáo chưa thành niên; việc lấy lời khai người bị tạm giữ, hỏi cung bị can; xét xử vụ án có bị cáo là người chưa thành niên; vấn đề bảo đảm quyền bào chữa và bảo vệ quyền của bị can, bị cáo chưa thành niên; việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội trong vụ án người chưa thành niên; vấn đề thi hành án; vấn đề xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội.

Thứ tư, Chủ thể KSĐT các vụ án hình sự có bị can là NCTN ngoài việc có kiến thức pháp luật, năng lực nghiệp vụ, còn phải có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục, các kiến thức liên quan đến NCTN.

Các quy định của pháp luật liên quan đến NCTN rất nhiều và phức tạp, đòi hỏi KSV thực hiện nhiệm vụ KSĐT phải nắm vững, đầy đủ nhất các quy định của pháp luật; khi KSĐT, giải quyết vụ án hình sự có bị can là NCTN, KSV phải nắm được đặc điểm tâm lý của họ; phải tìm hiểu được động cơ, nguyên nhân chủ quan và khách quan của hành vi phạm tội để từ đó áp dụng những kỹ năng nghiệp vụ phù hợp, quan điểm xử lý đúng theo quy định của pháp luật.

Khi tiếp xúc với NCTN, KSV phải có lòng vị tha, đối xử công bằng, thân thiện, để họ có thể dễ dàng chấp nhận trách nhiệm cho các hành vi sai

trái của mình. Ngược lại nếu bị đối xử không công bằng, không thân thiện họ sẽ có xu hướng cảm thấy uất ức, không tin vào người lớn và những người tiến hành tố tụng dẫn đến họ khai báo không khách quan và khiến cho quá trình phục hồi thêm khó khăn.

Việc xử lý NCTN chủ yếu nhằm giáo dục họ chứ không chỉ đơn thuần là trừng phạt, qua đó KSV giáo dục, giúp đỡ NCTN biết rõ những sai trái của mình, biết sửa chữa lỗi lầm, tạo điều kiện cho họ được phát triển lành mạnh và sớm trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

1.3. Hoạt động kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân đối với vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

1.3.1. Kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can là người chưa thành niên

Trong giai đoạn này, KSV được phân công KSĐT có trách nhiệm phải kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết đối với các tố giác, tin báo về tội phạm; kiểm tra giám sát chặt chẽ tính hợp pháp đối với quyết định khởi tố, hoạt động khởi tố của CQĐT.

- Theo quy định tại điều 103 BLTTHS thì CQĐT có nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố do các cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp. Là một trong những cơ quan trực tiếp đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ pháp luật, qua nhiều nguồn thông tin trực tiếp và gián tiếp, VKSND có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm do các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang và cá nhân chuyển đến, sau đó chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho CQĐT có thẩm quyền.

Riêng đối với các tố giác, tin báo về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người bị tố giác thuộc các cơ quan tư pháp thì sau khi tiếp nhận, VKSND tiếp nhận phải chuyển ngay đến Cơ quan điều tra hình sự thuộc VKSNDTC để thẩm tra, xác minh và giải quyết theo thẩm quyền.

Song song với việc trực tiếp tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, VKSND phải tiến hành hoạt động kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết của CQĐT đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, thông qua việc yêu cầu CQĐT cung cấp thông báo đầy đủ cho VKSND các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mà CQĐT đã tiếp nhận được, đồng thời phối hợp để phân loại, xử lý kịp thời.

Như vậy, VKSND thực hiện chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật của CQĐT trong quá trình giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm không chỉ đối với các tố giác, tin báo về tội phạm do CQĐT chuyển đến mà còn kiểm sát cả việc giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm do VKSND trực tiếp nhận với mục đích nhằm đảm bảo cho hoạt động tố tụng của CQĐT theo đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết.

- Kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự có bị can là NCTN là nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND được pháp luật quy định. Thông qua hoạt động này, VKSND có trách nhiệm bảo đảm việc khởi tố vụ án hình sự có bị can là NCTN của cơ quan có thẩm quyền là có căn cứ và hợp pháp, kịp thời phát hiện tội phạm và người phạm tội để điều tra, xử lý theo pháp luật.

Theo quy định tại Điều 100, BLTTHS năm 2003 thì chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định các dấu hiệu của tội phạm, việc xác định dấu hiệu phạm tội dựa trên cơ sở: “Tin báo của công dân; tin báo của cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội; tin báo trên các thông tin đại chúng; CQĐT, VKSND, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân trực tiếp phát hiện tội phạm; người phạm tội tự thú” [19].

Kiểm sát tính hợp pháp của việc khởi tố vụ án hình sự có bị can là NCTN: Thẩm quyền ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự có bị can là NCTN phải đúng theo quy định tại Điều 104, BLTTHS năm 2003; nội dung hình thức của Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải đúng quy định tại khoản 2,

Điều 104, BLTTHS năm 2003: “Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ thời gian, căn cứ khởi tố điều, khoản của BLHS được áp dụng và họ tên chức vụ người ra quyết định” [19]; tài liệu chứng cứ đã thu thập được đủ để xác định có sự kiện phạm tội xảy ra. Các quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ theo quy định của pháp luật TTHS thì VKSND ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự. VKSND có quyền yêu cầu hoặc tự mình thay đổi hoặc huỷ bỏ, bổ sung quyết định thay đổi khởi tố vụ án hình sự.

- Kiểm sát việc khởi tố bị can là NCTN là nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong công tác KSĐT nhằm đảm bảo cho mọi quyết định khởi tố bị can đều có căn cứ, hợp pháp, đúng người, đúng tội trên cơ sở đó tiến hành điều tra, xử lý theo pháp luật, thể hiện:

+ Đảm bảo tính có căn cứ của việc khởi tố bị can là NCTN: Dựa vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được từ các hoạt động điều tra; KSV tham gia trực tiếp vào các hoạt động điều tra; xác định rõ độ tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của NCTN; xác định rõ điều kiện sinh sống, giáo dục, nguyên nhân, điều kiện phạm tội; xác định có hay không có người lớn tuổi xúi giục...

BLTTHS 2003 không có quy định về cách xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là NCTN. Để giải quyết vấn đề này, các cơ quan tư pháp Trung ương đã phải ban hành văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa đạt hiệu quả bởi cách quy định hướng dẫn khái quát và chưa hoàn toàn thống nhất và phù hợp để các cơ quan tiến hành tố tụng trong cả nước áp dụng. Trên cơ sở pháp điển hóa các văn bản hướng dẫn hiện hành, giải quyết triệt để vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, BLTTHS 2015 đã được bổ sung Điều 417 quy định chặt chẽ, cụ thể cách xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi bảo đảm hợp lý nhất, phù hợp nguyên tắc có lợi cho người bị buộc tội là NCTN.

+ Đảm bảo tính hợp pháp của việc khởi tố bị can là NCTN: Thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can; nội dung, hình thức của quyết định khởi tố bị can phải theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 126, BLTTHS năm 2003: “Quyết định khởi tố bị can phải ghi rõ thời gian, địa điểm ra quyết định; họ tên, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của bị can; bị can bị khởi tố về tội gì, theo điều nào của BLHS; thời gian, địa điểm phạm tội và những tình tiết khác của tội phạm” [19].

+ Đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp của việc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can là NCTN của CQĐT.

Cũng như việc khởi tố vụ án hình sự, trong quá trình điều tra, nếu có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã khởi tố hoặc còn hành vi phạm tội khác thì CQĐT, VKSND ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can.

1.3.2. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong TTHS gồm: Bắt bị can để tạm giam; bắt người trong trường hợp khẩn cấp; bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang; tạm giữ; tạm giam; biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp bảo lãnh; biện pháp cho đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

Hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm: đảm bảo tính đúng đắn, có căn cứ và tính cần thiết của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN phạm tội. Đối tượng kiểm sát là việc tuân theo pháp luật của các cơ quan và người có thẩm quyền trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với NCTN. Phạm vi kiểm sát bắt đầu từ khi có người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn đến khi kết thúc, bị hủy bỏ, chấm dứt.

Kiểm sát việc bắt NCTN phạm tội quả tang: Kiểm sát việc bắt quả tang có đúng là bắt quả tang không; việc bắt có đúng thủ tục không. Theo quy định tại khoản 1, Điều 82, BLTTHS năm 2003: “Đối với người đang thực hiện tội

phạm hoặc ngay sau khi thực hiện hành vi tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt, cũng như người đang bị truy nã thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, VKSND hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất...” [19].

Sau khi VKSND nhận được thông báo có NCTN bị bắt quả tang, VKSND phải cử KSV sang CQĐT và yêu cầu cung cấp biên bản phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai của người bị bắt; nếu cần thiết thì hỏi người bị bắt để kiểm tra xem việc bắt đó có thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 303, BLTTHS năm 2003. Theo đó quy định: Nếu NCTN từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi thì họ chỉ có thể bị bắt quả tang nếu họ phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Nếu từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi thì họ chỉ bị bắt quả tang khi họ phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Nếu phát hiện NCTN không đủ các điều kiện bắt quả tang thì yêu cầu CQĐT trả tự do ngay cho người bị bắt.

Kiểm sát việc bắt khẩn cấp NCTN phạm tội: Kiểm sát việc bắt khẩn cấp nhằm kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp về thẩm quyền, thủ tục của việc bắt khẩn cấp, bảo đảm việc bắt khẩn cấp phải đúng theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1, Điều 81, BLTTHS năm 2003, NCTN có thể bị bắt khẩn cấp nếu: “Khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng; khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đó đã thực hiện hành vi phạm tội mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; khi có dấu vết của tội phạm ở người hoặc chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ” [19].

Ngoài ra, để có thể bắt khẩn cấp NCTN phạm tội, Viện kiểm sát phải kiểm sát để đảm bảo việc bắt có thỏa mãn quy định tại Điều 303, BLTTHS năm 2003. Nếu thấy việc bắt không đủ căn cứ quy định tại các điều trên thì

VKSND phải yêu cầu cơ quan đã tiến hành bắt khẩn cấp phải trả tự do ngay cho người bị bắt.

Kiểm sát việc bắt bị can là NCTN để tạm giam: Kiểm sát việc bắt bị can là NCTN phạm tội để tạm giam nhằm đảm bảo việc bắt này đúng các trường hợp do pháp luật TTHS quy định. Việc bắt tạm giam còn phải đúng thẩm quyền và đầy đủ về mặt thủ tục. Khi CQĐT gửi lệnh bắt bị can để tạm giam để phê chuẩn, VKSND phải kiểm tra tính có căn cứ để có thể tạm giam bị can là người chưa thành niên theo đúng các quy định tại Điều 80, 303, BLTTHS năm 2003. Nếu nhận thấy không đủ căn cứ để tạm giam thì VKSND không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam và yêu cầu CQĐT phải trả tự do ngay hoặc nếu cần thì áp dụng một biện pháp ngăn chặn khác.

Điều 303, BLTTHS 2003 quy định việc bắt, tạm giữ, tạm giam NCTN, thực tiễn áp dụng các quy định này đã phát huy hiệu lực, hiệu quả vào việc giải quyết các vụ án hình sự có bị can là NCTN. Tuy nhiên, để phù hợp với Công ước quốc tế về quyền trẻ em và phù hợp với các quy định của BLHS năm 2015, BLTTHS 2015 đã sửa đổi, bổ sung Điều 419, quy định toàn diện việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với bị can là NCTN với nhiều nội dung đổi mới theo hướng quy định chặt chẽ các căn cứ, điều kiện nhằm hạn chế tối đa việc áp dụng các biện pháp trên đối với NCTN phạm tội.

1.3.3. Kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án hình sự

Sau khi vụ án được khởi tố, VKSND tiếp tục thực hiện chức năng của mình là kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT. Theo Điều 10, BLTTHS năm 2003 thì: “CQĐT có quyền áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị can, bị cáo” [19]. Hoạt động kiểm sát các hoạt động điều tra được thực hiện đó là:

- *Kiểm sát khám nghiệm hiện trường, tử thi*: Khám nghiệm hiện trường quy định tại Điều 150, BLTTHS năm 2003: “ĐTV tiến hành khám nghiệm nơi xảy ra, nơi phát hiện tội phạm nhằm phát hiện dấu vết của tội phạm, những chứng cứ và làm sáng tỏ các tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án” [19]. Hoạt động khám nghiệm hiện trường là hoạt động nghiệp vụ quan trọng, đồng thời là biện pháp nghiệp vụ cấp bách do CQĐT tiến hành. Tại hiện trường, là nơi tập trung nhiều nhất các dấu vết, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội.

Khám nghiệm tử thi được tiến hành khi phát hiện có người chết chưa rõ nguyên nhân. Việc khám nghiệm do ĐTV chủ trì, có sự tham gia của bác sĩ pháp y và người chứng kiến và thành phần quan trọng quyết định giá trị pháp lý của Biên bản khám nghiệm tử thi là KSV. Theo quy định của Điều 151, BLTTHS năm 2003: “Trong mọi trường hợp khám nghiệm tử thi phải được thông báo trước cho VKSND cùng cấp biết. KSV phải có mặt để giám sát quá trình khám nghiệm tử thi” [19].

Trong công tác này, đòi hỏi KSV được phân công đảm bảo cho công tác khám nghiệm, thu thập dấu vết được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục và thành phần theo luật định, theo đó KSV được phân công phải tiến hành kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường đối với tất cả vụ việc mà CQĐT tiến hành khám nghiệm. Đối với những vụ án gây hậu quả nghiêm trọng, phức tạp Viện trưởng, Phó Viện trưởng phải trực tiếp hoặc cùng KSV tiến hành kiểm sát khám nghiệm hiện trường. Để việc tham gia kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường của KSV có hiệu quả đòi hỏi KSV phải chủ động nắm tình hình thông qua việc yêu cầu ĐTV thông báo về sự việc xảy ra. Từ đó có thể tham gia ý kiến vào việc chuẩn bị khám nghiệm cũng như chủ động yêu cầu ĐTV tiến hành khám nghiệm hiện trường. Tương tự như vậy, việc khám nghiệm tử thi của CQĐT cũng phải thực hiện dưới sự kiểm sát của KSV.

- *Kiểm sát việc hỏi cung, lấy lời khai của cơ quan điều tra:* Việc hỏi cung bị can và lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là một hoạt động bắt buộc trong mỗi vụ án hình sự.

Mục đích và yêu cầu của kiểm sát hỏi cung bị can nhằm: Đảm bảo việc hỏi cung phải được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; đảm bảo cho việc hỏi cung bị can phải được tiến hành trực tiếp bằng lời nói và ghi lại bằng biên bản; đảm bảo cho việc hỏi cung bị can phải được tiến hành bằng các phương pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Không được hỏi cung vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được, nhưng phải ghi rõ vào biên bản hỏi cung. Thời gian ban đêm theo quy định của pháp luật là từ 22h ngày hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau.

Trong trường hợp cần thiết, KSV có thể trực tiếp hỏi cung bị can. Việc hỏi cung phải được tiến hành theo quy định chung tại Điều 131, BLTTHS năm 2003. KSV trực tiếp hỏi cung trong các trường hợp cần thiết như: Trong hồ sơ chưa thể hiện rõ lời khai của bị can, nghi ngờ ĐTV trong quá trình hỏi cung bị can còn thiếu khách quan, còn có sai sót, lọt tội phạm hoặc có dấu hiệu oan, sai, khi các yêu cầu điều tra của KSV không đạt được, ĐTV thực hiện không đúng.

Lời khai người làm chứng là một nguồn chứng cứ quan trọng của một vụ án hình sự. Qua việc lấy lời khai người làm chứng ĐTV, KSV có thể hình dung được diễn biến của hành vi phạm tội, biết được các mối quan hệ của bị can, từ đó hoạch định phương hướng kế hoạch điều tra tiếp theo... Do đó, KSV phải chủ động, kịp thời cùng ĐTV lập kế hoạch lấy lời khai người làm chứng và xác định các nhân chứng quan trọng, những nhân chứng trực tiếp. Việc lấy lời khai người làm chứng phải được tiến hành khẩn trương, kịp thời.

Nếu để thời gian dài mới lấy lời khai, thì có thể ký ức của họ bị quên, không thể khai đúng hoặc khai hết những chi tiết mà họ nhìn thấy, nghe thấy hoặc có thể họ di chuyển chỗ ở đi chỗ khác...gây khó khăn cho việc điều tra. Việc lấy lời khai người làm chứng phải được lập thành biên bản theo quy định tại Điều 95, 125, 135, 136, BLTTHS năm 2003.

Kiểm sát việc lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về trình tự và thủ tục như việc lấy lời khai người làm chứng, tuy nhiên KSV cần chú ý kiểm sát về nội dung của việc lấy lời khai của ĐTV đối với từng đối tượng nêu trên, vì những lời khai của họ sẽ góp phần không nhỏ vào việc làm sáng tỏ nội dung vụ án.

- *Kiểm sát việc đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra*: Đây là một loạt các hoạt động điều tra và cũng là các biện pháp nghiệp vụ được sử dụng trong quá trình điều tra nhằm làm tái hiện và kiểm chứng lại những nguồn thông tin có liên quan đến tội phạm đã có được trước đó. Khi kiểm sát các hoạt động này cần đặc biệt chú ý đến hoàn cảnh, điều kiện nơi tiến hành việc đối chất, nhận dạng hoặc thực nghiệm điều tra và xác định đây là những nguồn chứng cứ được tái hiện lại nên không thể dùng làm nguồn chứng cứ duy nhất để kết luận một vấn đề cần chứng minh, mà phải kết hợp với nhiều nguồn chứng cứ khác để có luận điểm đúng đắn.

- *Kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT*: Ngoài việc lập hồ sơ kiểm sát, KSV phải kiểm sát việc lập hồ sơ của CQĐT đảm bảo hồ sơ có đầy đủ các tài liệu, được sắp xếp, đánh bút lục theo trình tự, phục vụ cho việc nghiên cứu, truy tố, xét xử, KSV phải yêu cầu ĐTV cung cấp tài liệu đầy đủ, kịp thời. CQĐT căn cứ Quy định tại điểm 21.1 TTLT số 05/2005/TTLT-VKS-BCA-BQP ngày 07/5/2005 của VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 [34]; Công văn số 71/CSĐT(C16) ngày 26/2/2007

của CQĐT hướng dẫn đóng dấu bút lục và đánh số thứ tự tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Nếu thấy tài liệu bị mất, hư hỏng, tẩy xóa, sửa chữa thì KSV yêu cầu CQĐT khắc phục và làm rõ nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm, trách nhiệm của từng cá nhân liên quan để đề xuất biện pháp xử lý.

- *Kiểm sát việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra và phục hồi điều tra:*
Xuất phát từ bản chất của chế độ ta là nhân đạo: những người ốm đau, bệnh tật nguy hiểm mặc dù họ phạm tội nhưng họ được cộng đồng và gia đình chăm sóc và chữa bệnh, có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y thì có thể được tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra.

Trong trường hợp đã xác định được bị can nhưng do chưa kịp tiến hành các biện pháp ngăn chặn kịp thời nên để bị can bỏ trốn thì căn cứ Điều 160 BLTTHS năm 2003 thì CQĐT ra quyết định truy nã bị can trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can khi đã hết thời hạn điều tra vụ án hình sự.

Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả các bị can thì có thể tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can. Đó là trường hợp hành vi phạm tội của từng bị can đã được xác định rõ, đủ cơ sở để truy tố, xét xử nhưng có bị can do bị mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bỏ trốn thì CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ đối với bị can đó.

Khi bị can bị bệnh tâm thần hay mắc bệnh hiểm nghèo khác mà phải ra quyết định tạm đình chỉ điều tra thì căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định y khoa, VKSND có thể đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh theo quy định tại Điều 43 BLHS năm 1999.

Quyết định tạm đình chỉ của CQĐT phải gửi ngay cho VKS cùng cấp để thực hiện chức năng kiểm sát và quyết định đó phải gửi ngay cho bị can, người bị hại để họ biết và thực hiện.

- Đình chỉ điều tra là việc chấm dứt hoạt động TTHS đối với vụ án hoặc đối với bị can được thực hiện khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 105 và Điều 107, BLTTHS năm 2003 [19] hoặc Điều 19, Điều 25; khoản 2, Điều 69, BLHS năm 1999 [17].

Sau khi nhận được kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra vụ án, VKSND phải thực hiện kiểm tra ngay tính có căn cứ, tính hợp pháp của quyết định đó. Điều đó đồng nghĩa với việc phải nghiên cứu lại toàn bộ hồ sơ để đảm bảo việc đình chỉ điều tra vụ án là cần thiết, đúng đắn, bảo vệ được quyền lợi của nhà nước, cá nhân công dân cũng như các bên đã tham gia tố tụng.

Việc đình chỉ đối với một hay nhiều bị can trong vụ án có đồng phạm mà căn cứ để đình chỉ không liên quan đến các bị can còn lại thì vẫn có thể tiến hành bình thường. CQĐT vẫn chuyển hồ sơ đề nghị truy tố đối với các bị can còn lại đó mà không ảnh hưởng đến việc giải quyết chung đối với vụ án.

- Phục hồi điều tra là biện pháp tố tụng được sử dụng trong hai trường hợp sau đây để đảm bảo việc tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án không làm ảnh hưởng đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một hành vi phạm tội.

+ Thứ nhất là: Qua việc kiểm sát các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ, VKSND phát hiện thấy các quyết định này không có căn cứ, trái pháp luật và ra quyết định hủy bỏ đồng thời yêu cầu CQĐT ra quyết định phục hồi vụ án.

+ Trường hợp thứ hai là: Khi đã có kết quả giám định, đã bắt được bị can bỏ trốn hoặc có căn cứ xác định đối tượng phạm tội trong vụ án tạm đình chỉ điều tra hoặc bị can đã khỏi bệnh, đủ khả năng chịu trách nhiệm hình sự... thì CQĐT ra quyết định phục hồi điều tra để tiếp tục điều tra theo thủ tục chung.

1.3.4. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng

Khi kiểm sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự có bị can là NCTN gồm: người bị tạm giữ, bị

can, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người bào chữa, người giám định, người phiên dịch, KSV phải yêu cầu ĐTV có trách nhiệm giải thích và bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng theo quy định tại Chương IV, BLTTHS năm 2003. Việc giải thích nguyên nhân và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được ghi vào biên bản. Trong quá trình điều tra, khi xác định bắt buộc phải có người bào chữa theo quy định tại khoản 2, Điều 57, BLTTHS năm 2003 mà bị can hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa, thì KSV yêu cầu ĐTV báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình.

KSV phải đảm bảo việc tuân thủ pháp luật của CQĐT trong các hoạt động như: Khi lấy lời khai của người làm chứng; người bị hại dưới 16 tuổi phải mời người giám hộ theo quy định tại các Điều 133, 134, 135, 137, BLTTHS năm 2003; việc hỏi cung bị can là NCTN phải thực hiện theo quy định tại Điều 306, BLTTHS; bảo đảm thực hiện các quyền của người bào chữa như: người bào chữa được có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong các hoạt động điều tra khác theo quy định tại Điều 58 BLTTHS. Trong quá trình điều tra và sau khi kết thúc điều tra, KSV có thể triệu tập và lấy lời khai của những người tham gia tố tụng để kiểm tra chứng cứ trong các trường hợp lời khai của họ có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với những chứng cứ khác đã thu thập hoặc có nghi ngờ về tính trung thực, khách quan trong lời khai của họ. Nếu việc triệu tập để lấy lời khai thực hiện trước khi kết thúc điều tra thì KSV thông báo cho ĐTV thụ lý vụ án về

thời gian, địa điểm tiến hành việc lấy lời khai của những người này trước khi lấy lời khai để phối hợp thực hiện.

Tại Điều 305, BLTTHS 2003 về bào chữa quy định: “*Người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là NCTN có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*” và “*Trong trường hợp bị can bị cáo là NCTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn được người bào chữa thì CQĐT, VKS, TA phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị UBMTTQ cử người bào chữa cho thành viên tổ chức mình*” [19]. Tại Điều 422, BLTTHS 2015 đã bổ sung quy định rõ việc bảo đảm quyền bào chữa của NCTN, trước hết đã bổ sung, khẳng định quyền bào chữa của NCTN “*Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa*”, đồng thời loại bỏ quy định mang tính tùy nghi “*có thể*”, thay vào đó, quy định cụ thể “*Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội*” và “*Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì CQĐT, VKS, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này*” [19]. Việc sửa đổi, bổ sung quy định rõ hơn cơ chế thực hiện quyền bào chữa của NCTN bị buộc tội, đảm bảo sự cụ thể, chặt chẽ về thủ tục, trình tự bào chữa. Các thủ tục bào chữa mang tính bắt buộc, nhằm bảo đảm NCTN thực hiện hiệu quả quyền bào chữa.

1.3.5. Giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra

Thực tế điều tra VAHS có trường hợp xảy ra tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT với nhau như: Thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ, theo vụ việc; thẩm quyền điều tra của từng loại CQĐT, các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp thấy vụ án không

thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT cấp mình, VKSND yêu cầu CQĐT tiến hành các thủ tục để VKSND cùng cấp ra quyết định chuyển vụ án cho CQĐT có thẩm quyền tiếp tục điều tra theo quy định tại Điều 116, BLTTHS năm 2003 [19]. Nếu phải chuyển vụ án ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thì CQĐT cấp huyện tiến hành các thủ tục để VKSND cấp huyện có văn bản đề nghị VKSND cấp tỉnh ra quyết định chuyển vụ án. Nếu vụ án do CQĐT cấp tỉnh đề nghị chuyển thì VKSND cấp tỉnh ra quyết định chuyển vụ án.

Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT thuộc các ngành khác nhau, thì Viện trưởng VKSND cùng cấp nơi có tội phạm xảy ra hoặc nơi phát hiện tội phạm quyết định. Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT cùng ngành ở cấp nào thì Viện trưởng VKSND cấp đó yêu cầu Thủ trưởng quản lý cùng cấp giải quyết.

1.3.6. Yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra

Trong quá trình kiểm sát các hoạt động điều tra, KSV phải kịp thời phát hiện các vi phạm pháp luật của CQĐT và của ĐTV. Các vi phạm trong quá trình điều tra vụ án được thể hiện dưới dạng khác nhau với nhiều tính chất khác nhau như: các quyết định khởi tố, không khởi tố VAHS, khởi tố bị can, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định khám xét, thu giữ vật chứng, có căn cứ hợp pháp hay có cần thiết không; các biện pháp điều tra khác như có đảm bảo các quy định của pháp luật không. Việc thu thập, bảo quản, đánh giá chứng cứ có khách quan không. Việc đề nghị truy tố người phạm tội về tội danh, điều luật, mức độ đã phù hợp với các chứng cứ trong vụ án và quy định của pháp luật chưa.

Khi phát hiện các vi phạm thì VKSND phải có văn bản kiến nghị hoặc văn bản yêu cầu CQĐT khắc phục ngay các vi phạm đó, yêu cầu Thủ trưởng

CQĐT xử lý ĐTV đã vi phạm pháp luật; nếu vi phạm đó có đủ yếu tố cấu thành tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp thì phải chuyển tài liệu cho CQĐT của VKSND tối cao để xử lý theo thẩm quyền.

1.3.7. Kiểm sát việc đề nghị truy tố

Sau khi kết thúc việc điều tra và có đầy đủ chứng cứ để xác định hành vi phạm tội của bị can thì CQĐT làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, nêu rõ nội dung, diễn biến của hành vi phạm tội và các chứng cứ chứng minh, đồng thời nêu những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án. Kèm theo bản kết luận điều tra đề nghị truy tố là hồ sơ vụ án với các thủ tục tố tụng, các tài liệu chứa đựng chứng cứ chứng minh tội phạm và các tài liệu liên quan khác để đảm bảo cho việc truy tố được khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Như vậy, thực hiện một quy trình KSĐT vụ án hình sự chính là hoạt động tổng hợp tính có căn cứ, tính hợp lý và hợp pháp của VKSND đối với hàng loạt các hoạt động điều tra của CQĐT. Nó không chỉ dừng lại ở việc hợp lý hóa các thông số khoa học một cách thông thường mà nó còn là việc chọn lọc tính có căn cứ, tính hợp lý trong từng biên bản, từng lời khai, từng chi tiết nhỏ nhất được phản ánh từ sự thật khách quan của mỗi vụ án đã được tái hiện lại bằng các biện pháp, thủ thuật nghiệp vụ dựa trên nền tảng của thủ tục tố tụng chặt chẽ. Do đó đòi hỏi KSV khi KSĐT không những phải tinh tường và thông thạo tất cả các quy trình hoạt động tố tụng, mà còn có một vốn hiểu biết tự nhiên, xã hội phong phú và trình độ khoa học lý luận vững chắc để thực hiện tốt hoạt động này.

1.3.8. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật

Trong quá trình THQCT, KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN, KSV có trách nhiệm phát hiện những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn

ngừa. KSV phải phối hợp với CQĐT, với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội để đề ra và thực hiện các biện pháp phòng ngừa NCTN phạm tội.

Đây là một hoạt động rất quan trọng của VKSND trong việc đấu tranh, phòng ngừa vi phạm và tội phạm. Qua thực tế KSĐT từng vụ án cụ thể, VKSND sẽ có điều kiện để tìm ra nguyên nhân và tính chất của từng loại tội phạm; từ đó sẽ rút ra được những quy luật khách quan và chủ quan của loại tội phạm và đề ra được những biện pháp hữu hiệu nhằm khắc phục, hạn chế sự gia tăng của tội phạm, đặc biệt là đối với chủ thể tội phạm là NCTN.

Kết luận chương 1

Trong chương 1 của luận văn, tác giả đã khái quát được những vấn đề lý luận cơ bản về khái niệm, nội dung, đặc điểm, phạm vi của công tác KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN.

Trên cơ sở phân tích lý luận, pháp luật TTHS, luận văn làm sáng tỏ ở bình diện khoa học vị trí, vai trò, nội dung chức năng của VKSND trong hoạt động KSĐT. Luận văn cũng nêu rõ nội dung biện pháp kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự có bị can là NCTN như: giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khởi tố vụ án; áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; các hoạt động điều tra cụ thể; kiến nghị vi phạm, phòng ngừa... Đồng thời, luận văn còn làm rõ quan hệ giữa VKSND với CQĐT trong giai đoạn điều tra tội phạm này. Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học, góp phần bổ sung vào lý luận về hoạt động kiểm sát của VKSND trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói chung, điều tra tội phạm do NCTN thực hiện nói riêng.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SÁT ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ CÓ BỊ CAN LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TỪ THỰC TIỄN TỈNH BẮC NINH

2.1. Tình hình kinh tế - xã hội và cơ cấu tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh

Bắc Ninh là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của thủ đô Hà Nội. Tỉnh Bắc Ninh có địa giới hành chính tiếp giáp với các tỉnh: Bắc Giang ở phía Bắc, Hải Dương ở phía Đông Nam, Hưng Yên ở phía Nam và thủ đô Hà Nội ở phía Tây. Theo số liệu thống kê năm 2015, dân số Bắc Ninh là 1.154.660 người, mật độ dân số 1.403 người/km², là tỉnh có mật độ dân số cao thứ 3 cả nước.

Bắc Ninh ở vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ, đường sắt và đường không. Các tuyến đường huyết mạch: Quốc lộ 1A, quốc lộ 18, quốc lộ 38, đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Quảng Ninh nối liền Bắc Ninh với các trung tâm kinh tế, văn hóa và thương mại của khu vực phía Bắc Việt Nam, với cảng hàng không quốc tế Nội Bài và liên thông với hệ thống các trục đường quốc lộ đến với mọi miền trong tổ quốc.

Nhờ vị trí địa lý thuận lợi cùng với các cơ chế và giải pháp phát triển kinh tế hợp lý, Bắc Ninh đã và đang khai thác các tiềm năng hiện có của tỉnh để trở thành một trung tâm kinh tế - văn hóa phụ trợ, một thành phố vệ tinh quan trọng cho Hà Nội và là một điểm nhấn trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Cùng với việc khai thác lợi thế của các làng nghề thủ công truyền thống, Bắc Ninh đang có nhiều chính sách thu hút

đầu tư, mở rộng về quy mô sản xuất, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm tạo thành các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp vừa và nhỏ, cụm công nghiệp làng nghề nhằm cung cấp các sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ, trong nước và xuất khẩu.

Tuy là tỉnh có diện tích nhỏ nhất đồng bằng Sông Hồng và cũng là tỉnh nhỏ nhất nước, với dân số cũng chỉ hơn một triệu người, nhưng năm 2015, tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) đạt trên 118.413 tỷ đồng (đứng thứ 9 toàn quốc và thứ 2 khu vực đồng bằng sông Hồng); cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa: Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 74,77%; dịch vụ 19,73%; nông, lâm nghiệp và thủy sản còn 5,5%. Năm 2015, GDP bình quân đầu người đạt 102,6 triệu đồng/năm (tương đương 4.709 USD) và nằm trong top thu nhập bình quân cao nhất cả nước.

Tuy nhiên, bên cạnh nền kinh tế phát triển vượt bậc, những mặt trái của nền kinh tế thị trường đã tác động không nhỏ đến mọi mặt của đời sống xã hội của tỉnh Bắc Ninh. Đó là tình hình tội phạm và các loại tệ nạn xã hội gia tăng, đặc biệt là các loại tội phạm do người chưa thành niên thực hiện làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Để ngăn chặn tội phạm nói chung và tội phạm do người chưa thành niên thực hiện nói riêng, trong những năm qua tỉnh Bắc Ninh đã có rất nhiều cố gắng tạo ra một môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền giáo dục kết hợp với xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, đặc biệt là trong các tầng lớp thanh thiếu niên. Mặc dù có rất nhiều cố gắng nhưng trong thời gian gần đây, tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh vẫn diễn biến phức tạp về số vụ và tính chất nghiêm trọng. Các tội phạm được thực hiện dưới dạng đồng phạm và có tính chất bạo lực ngày càng gia tăng với thủ đoạn tinh vi hơn, độ liều lĩnh cao hơn gần nhiều với các hành vi

tội phạm như trộm cắp, cướp tài sản, cố ý gây thương tích và các tệ nạn xã hội khác như cờ bạc, mại dâm... Đặc biệt những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã xuất hiện những băng nhóm tội phạm “nhí” rất nguy hiểm và liều lĩnh do người chưa thành niên là kẻ cầm đầu tổ chức thực hiện nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng gây lo lắng bức xúc đối với từng gia đình và xã hội.

Những thuận lợi và khó khăn trên đây đặt ra cho chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng của tỉnh Bắc Ninh cần có những biện pháp hữu hiệu trong quản lý, chỉ đạo, thực hiện tốt công tác kiểm sát điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên, nhằm vừa phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, ổn định trật tự xã hội.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh bắc Ninh

Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh trực thuộc và chịu sự chỉ đạo của VKSNDTC, cơ cấu tổ chức gồm 11 phòng nghiệp vụ, tham mưu và 8 VKSND cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc VKSND tỉnh. Đơn vị VKSND cấp huyện có biên chế nhiều nhất là 21 đồng chí (VKSND thành phố Bắc Ninh), đơn vị VKSND cấp huyện có biên chế ít nhất là 10 đồng chí (VKSND huyện Thuận Thành, Lương Tài). Viện kiểm sát tỉnh Bắc Ninh qua 56 năm xây dựng và trưởng thành được VKSNDTC giao 158 biên chế (cấp tỉnh 58 biên chế; cấp huyện 100 biên chế). Tính đến năm 2016 đang thực hiện 158 biên chế; trong đó cán bộ nữ 68 (chiếm 43%); toàn ngành có 128 đảng viên (chiếm 81%), số chưa đảng viên 30 (chiếm 19%); có 41 KSV trung cấp, trong đó: cấp tỉnh 32 (chiếm 55% biên chế cấp tỉnh), cấp huyện 8 (chiếm 8% biên chế cấp huyện); có 59 KSV sơ cấp, trong đó: cấp tỉnh 11 (chiếm 19% biên chế cấp tỉnh), cấp huyện 48 (chiếm 48% biên chế cấp huyện); 26 Kiểm tra viên. Ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh có 147 cán bộ công chức có trình độ cử nhân luật (chiếm 93%), có 31 đồng chí trình độ cao cấp, cử nhân

chính trị (chiếm 20%); 22 đồng chí có trình độ thạc sĩ luật (chiếm 14%) và 12 đồng chí đang theo học cao học luật.

VKSND cấp tỉnh có 03 phòng thực hiện chức năng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm án hình sự gồm: phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm án an ninh, ma túy (P1); phòng THQCT, KSĐT và KSXX án trật tự, xã hội (P2) và phòng THQCT, KSĐT và KSXX án kinh tế, chức vụ (P3); các phòng nghiệp vụ khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

VKSND các huyện, thị xã, thành phố có bộ phận thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự (biên chế từ 1 đến 6 đồng chí); theo đặc thù và yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị, bộ phận này có thể đảm nhiệm giải quyết đối với tất cả các loại án, có thể phân công cán bộ, KSV theo nhóm tội phạm do một Phó Viện trưởng phụ trách như nhóm tội phạm trật tự, trị an, ma túy; nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu và tội phạm khác... Viện trưởng lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với toàn bộ công tác của đơn vị.

2.2. Thực trạng của tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ 2011-2015

2.2.1. Tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện

Trong những năm gần đây, Chính phủ đã có nhiều biện pháp để tăng cường công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, cụ thể là Chính phủ đã ban hành Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 2/4/2011 về ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48 CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, xác định rõ trách nhiệm của từng lực lượng, từng cấp, từng ngành. Tuy nhiên, tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay vẫn có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Cơ cấu thành phần tội phạm có những thay đổi, tỷ lệ thanh, thiếu niên phạm tội có chiều hướng

gia tăng. Tình trạng tội phạm có tổ chức như tham nhũng, buôn lậu, mua bán phụ nữ, xâm hại trẻ em; tội phạm có sử dụng bạo lực như: Cướp tài sản, giết người, chống người thi hành công vụ và các hành vi phạm tội khác có tính chất côn đồ, hung hãn gây ra hậu quả nghiêm trọng cho xã hội.

Với tình hình trên, các cơ quan bảo vệ pháp luật ở tỉnh Bắc Ninh đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch, biện pháp để huy động các lực lượng đấu tranh phòng chống tội phạm. Đa số các cấp, các ngành, các lực lượng và quần chúng nhân dân có ý thức tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, song bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận nhỏ cho rằng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm là trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật, ý thức tự phòng ngừa của một số người dân còn hạn chế, còn tạo ra sơ hở để bọn tội phạm lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội. Từ những đặc điểm trên, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đang còn nhiều vấn đề cần phải quan tâm giải quyết. Đặc biệt là tình hình tội phạm hình sự đang có xu hướng “trẻ hóa”, tình hình tội phạm hình sự do NCTN thực hiện đang là vấn đề bức xúc, cần phải đưa ra các giải pháp để phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Khảo sát, thu thập số liệu thống kê các vụ án hình sự, bị can trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015 (**Bảng 2.1**) [38] cho thấy: Tổng số vụ phạm pháp hình sự được phát hiện, khởi tố, điều tra, về cơ bản tăng đều theo từng năm. Cụ thể: năm 2011 xảy ra 1037 vụ, năm 2012 xảy ra 1107 vụ (tăng 70 vụ so với năm 2011), năm 2013 xảy ra 1264 vụ (tăng 157 vụ so với năm 2012), năm 2014 xảy ra 1283 vụ (tăng 19 vụ so với năm 2013) và năm 2015 xảy ra 1221 vụ (giảm 62 vụ so với năm 2014). Số bị can bị khởi tố điều tra thì tăng, giảm thất thường. Qua đó cho thấy, tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong những năm vừa qua hết sức phức tạp. Tuy số vụ phạm pháp hình sự có năm giảm, nhưng tính chất vụ việc và hành vi nguy hiểm tăng dần

theo từng năm, việc xử lý hình sự đang có xu hướng gia tăng, đòi hỏi phải có sự tập trung lực lượng, biện pháp để đấu tranh làm giảm số đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật và phạm tội, không để gia tăng trong các năm tiếp theo.

Đi sâu khảo sát số vụ án hình sự và số bị can là NCTN so với tổng số vụ án hình sự và tổng số bị can trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015 (**Bảng 2.2**) [38] cho thấy: Cơ quan điều tra đã phát hiện khởi tố 231 vụ/383 bị can là NCTN; hàng năm, số vụ án hình sự có bị can là NCTN chiếm tỷ lệ từ 2,8% đến 5% trong tổng số vụ phạm pháp hình sự, số bị can là NCTN chiếm tỷ lệ từ 3,0% đến 4,5% tổng số đối tượng phạm pháp hình sự. Số vụ và số bị can phạm tội hình sự do NCTN thực hiện trong những năm qua tăng giảm thất thường, không theo quy luật nhất định và chiếm tỷ lệ không cao trong tổng số tội phạm hình sự.

Khảo sát số liệu thống kê các loại tội phạm hình sự do NCTN thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011- 2015 (**Bảng 2.3**) [38] cho thấy: NCTN thường phạm vào 22 loại tội phạm tương ứng với 22 tội danh quy định trong BLHS năm 1999 và tập trung nhiều vào các hành vi trộm cắp tài sản, cướp tài sản và cố ý gây thương tích. Cụ thể: Tội “trộm cắp tài sản” (Điều 138), khởi tố 66 vụ/115 bị can là NCTN, chiếm tỷ lệ 30% so với tổng số bị can là NCTN. Tội “cướp tài sản” (Điều 133) khởi tố 38 vụ/62 bị can là NCTN, chiếm tỷ lệ 16,2% so với tổng số bị can là NCTN. Tội “cố ý gây thương tích” khởi tố 36 vụ/51 bị can là NCTN, chiếm tỷ lệ 13,3% so với tổng số bị can là NCTN. Đây là ba tội danh có số bị can là NCTN chiếm tỷ lệ cao nhất mang tính phổ biến, điển hình trong số các tội danh mà NCTN thực hiện.

Ở một số tội khác như tội “đánh bạc” (Điều 248) khởi tố 13 vụ/28 bị can là NCTN, chiếm tỷ lệ 7,3% so với tổng số bị can là NCTN. Tội “giết người” (Điều 93) khởi tố 19 vụ/22 bị can là NCTN chiếm tỷ lệ 5,7%; tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Điều 139) khởi tố 10 vụ/16 bị can là NCTN, chiếm

tỷ lệ 4,2%; tội “cướp giật tài sản” (Điều 136) khởi tố 7 vụ/14 bị can là NCTN, chiếm tỷ lệ 3,7% so với tổng số bị can là NCTN. Đây là các tội danh các người phạm tội là NCTN thường hay thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Đối với các tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng khác như tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112) khởi tố 3 vụ/6 bị can là NCTN, chiếm tỷ lệ 1,6%; tội “hiếp dâm” (Điều 111) khởi tố 2 vụ/ 4 bị can là NCTN, chiếm tỷ lệ 1% so với tổng số bị can là NCTN. Mặc dù tỷ lệ thấp nhưng nó đã gióng lên hồi chuông báo động về tình trạng suy thoái đạo đức trong một bộ phận thanh thiếu niên cần phải có giải pháp ngăn chặn kịp thời.

Đi sâu tìm hiểu động cơ, mục đích, tính chất của các loại tội phạm phổ biến do NCTN thực hiện cho thấy:

- Tội “trộm cắp tài sản” chiếm tỷ lệ cao nhất với 66 vụ/115 bị can (chiếm tỷ lệ 30% so với tổng số bị can là NCTN). Loại tội phạm này xảy ra hầu hết ở các huyện, thị xã, thành phố. Tội phạm này thường xảy ra vào ban đêm, thường không có sự nghiên cứu kỹ về quy luật đi lại, sinh hoạt của bị hại mà khi thấy sơ hở trong bảo vệ tài sản là thực hiện hành vi trộm cắp ngay. Tài sản bị trộm cắp rất đa dạng nhưng giá trị thường không lớn, tài sản trộm cắp được mang đi tiêu thụ không xa nơi trộm cắp nên dễ bị phát hiện, thu giữ.

- Tội “cướp tài sản” chiếm tỷ lệ cao, xảy ra 38 vụ/62 bị can (chiếm tỷ lệ 16,2% so với tổng số bị can là NCTN); tội “cướp giật tài sản” cũng xảy ra 7 vụ/14 bị can (chiếm 3,7% so với tổng số bị can là NCTN). Nhóm tội phạm này mang tính chất nguy hiểm cao, chúng thường sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc (đối với tội cướp) hoặc sau khi giật, lấy được tài sản của người khác chúng nhanh chóng tẩu thoát khỏi địa bàn gây án. Bọn chúng thường hoạt động có tính chất trắng trợn, thường theo ổ nhóm, lợi dụng số đông gây áp lực hoặc sử dụng vũ lực, hung khí, xe máy để gây án. Tài sản thường nhằm vào: tiền, dây chuyền vàng, đồng hồ đeo tay, bông tai, xe đạp,

xe máy. Đáng chú ý là chúng thường nhắm vào đối tượng là các đôi trai gái yêu nhau tâm sự chỗ vắng đe dọa, dùng vũ lực lấy tài sản (tiền, đồng hồ, điện thoại di động...) để ăn chơi, tiêu xài. Điển hình: Khoảng 23h30 các ngày 14/4 và 30/6/2013, 03 đối tượng gồm Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1996; Vũ Trần Đường, sinh năm 1994 cùng trú quán tại phường Ninh Xá, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và Nguyễn Trung Hiếu, sinh năm 1995, trú quán tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh mang theo dao nhọn (loại dao gọt hoa quả), đi bộ đến Công viên Nguyễn Phi Ý Lan, TP. Bắc Ninh dùng dao đe dọa cướp của 02 đôi nam, nữ đang ngồi tâm sự tại Công viên; cướp đi 02 xe mô tô, 04 ĐTDĐ và tiền mặt. Tổng giá trị tài sản bọn chúng cướp được là 35.000.000đ.

- Tội “cố ý gây thương tích” chiếm tỷ lệ khá cao với 36 vụ/51 bị can (chiếm tỷ lệ 13,3% so với tổng số bị can là NCTN). Hành vi phạm tội thường xuất phát từ các mâu thuẫn nhỏ không được hòa giải hoặc do có sự va chạm khi đi xe đạp, xe máy, do trêu đùa nhau quá trớn, hoặc một số trường hợp do uống bia, rượu say không làm chủ được bản thân nên dẫn đến xô xát, đánh và gây thương tích cho nhau. Đa số NCTN phạm tội này đều có sự chuẩn bị hung khí từ trước như dao, kiếm, côn; tuy nhiên, khi thực hiện hành vi lại không ý thức được hậu quả tác hại. Điển hình: Vụ án “cố ý gây thương tích” xảy ra ngày 21/9/2014 tại khu vực xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, do mâu thuẫn cá nhân giữa Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1997 và Nguyễn Ngọc Quỳnh, sinh năm 1997, cùng trú quán tại xã Liên Bảo, huyện Tiên Du dẫn đến xô xát. Ngay lập tức Phương đã dùng 01 dao nhọn mang theo người đâm 2 nhát vào bụng của chị Quỳnh gây thương tích 42%.

- Tội “giết người” chiếm tỷ lệ khá cao với 19 vụ/22 bị can (chiếm tỷ lệ 5,7% so với tổng số bị can là NCTN) - Đây là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Hầu hết các vụ giết người xảy ra do động cơ thù ghét, mâu thuẫn không hòa giải được, bị kích động do xem phim bạo lực... có em không nhận thức

được việc làm của mình dẫn đến hành vi phạm tội. Điển hình như vụ “giết người”, “cướp tài sản” xảy ra hồi 17h, ngày 03/5/2015, tại đoạn đường thuộc cánh đồng khu Dương Ổ, phường Phong Khê, TP Bắc Ninh, đối tượng Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 17/10/2000, sinh trú quán tại Dương Ổ, phường Phong Khê, TP Bắc Ninh là học sinh lớp 9B Trường THCS Phong Khê đã có hành vi dùng dao đâm chết bạn học là Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 12/10/1999 để chiếm đoạt chiếc xe đạp điện để đem đi gán nợ.

- Tội “hiếp dâm” và “hiếp dâm trẻ em” xảy ra 6 vụ/10 bị can (chiếm tỷ lệ 2,6% so với tổng số bị can là NCTN). Tuy nhiên, đáng chú ý là NCTN hiếp dâm trẻ em, nhưng tội phạm này xảy ra ảnh hưởng đến đời tư các bé gái nên nhiều trường hợp gia đình bị hại không tố giác mà có sự thỏa thuận giữa hai bên. Vì vậy, tỷ lệ tội phạm ẩn khá cao. Nguyên nhân dẫn đến tội phạm này là do các em tiếp xúc với văn hóa phẩm đồi trụy như: ảnh khỏa thân, phim sex, truyện sex... rồi bắt chước làm theo.

- Tội “cưỡng đoạt tài sản” chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số tội phạm do NCTN thực hiện, xảy ra 3 vụ/8 bị can (chiếm 2,6% so với tổng số bị can là NCTN). Bọn chúng đe dọa uy hiếp tinh thần nạn nhân để lấy tài sản của nạn nhân, chúng thường nhằm vào đối tượng là các em học sinh phổ thông và những người địa phương khác đến Bắc Ninh.

Ngoài ra, các em ở độ tuổi chưa thành niên còn có các hành vi phạm vào các tội danh khác quy định trong BLHS năm 1999 như: “gây rối trật tự công cộng”; “tàng trữ trái phép chất ma túy”; “làm nhục người khác”; “hủy hoại tài sản”, “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; “không tố giác tội phạm”; “chống người thi hành công vụ”... gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2.2.2. Đặc điểm tội phạm do người chưa thành niên thực hiện

2.2.2.1. Đặc điểm về nhân thân

Qua nghiên cứu, khảo sát, đánh giá nhân thân của NCTN phạm tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015 (**Bảng 2.4**) [38] cho thấy:

- *Về giới tính:* NCTN phạm tội bị khởi tố hầu hết là nam giới với 362 bị can chiếm tỷ lệ 96,3%, nữ giới là 14 bị can chiếm tỷ lệ 3,7% so với tổng số NCTN bị khởi tố. Điều này thể hiện trong độ tuổi chưa thành niên nam giới thường hiếu động, “nghịch ngợm” hơn, có nhiều hành vi bột phát thiếu suy nghĩ chín chắn, cùng với sự buông lỏng quản lý, giáo dục của gia đình, khi gặp điều kiện xấu tác động thì dễ có hành vi phạm tội. Ngược lại các em nữ thường nhút nhát hơn, khả năng kiềm chế, nhẫn nhịn cao hơn các em nam nên nguy cơ dẫn đến tội phạm của các em nữ là thấp hơn.

- *Về độ tuổi:* NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội có 21 bị can phạm tội chiếm tỷ lệ 5,5%; độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có 362 bị can phạm tội chiếm tỷ lệ 94,5% so với tổng số NCTN bị khởi tố. Số liệu này phản ánh tình trạng phạm tội của NCTN ở độ tuổi đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chiếm tỷ lệ đa số. Mặt khác, do chính sách hình sự của Nhà nước ta quy định NCTN ở độ tuổi đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, còn NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng nên tỷ lệ thấp hơn.

- *Về trình độ văn hóa:* Có 171 bị can là đối tượng bỏ học; trình độ văn hóa cấp II có 186 bị can chiếm tỷ lệ 48,5%; trình độ văn hóa cấp III có 197 bị can chiếm tỷ lệ 51,5% so với tổng số NCTN bị khởi tố. Số liệu này đã phản ánh được thực trạng tỷ lệ học sinh phạm tội trên địa bàn tỉnh còn khá cao, hiệu quả của công tác giáo dục trong gia đình và nhà trường còn hạn chế.

- *Về tiền án, tiền sự:* Phần lớn các em thực hiện tội phạm là những người chưa có tiền án, tiền sự; số đã có tiền án, tiền sự chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số đối tượng NCTN phạm tội. Cụ thể, số NCTN không có tiền án là 339 bị can, chiếm tỷ lệ 88,5%; số NCTN đã có ít nhất từ một tiền án hoặc tiền sự trở lên là 44 bị can, chiếm tỷ lệ 11,5% so với tổng số NCTN bị khởi tố. Số NCTN thực hiện tội phạm đã có tiền án, tiền sự chiếm tỷ lệ thấp là phù hợp với thực tế độ tuổi, bởi vì nếu các em phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì thời hạn áp dụng hình phạt sẽ cao. Khi áp dụng hình phạt các em đang trong độ tuổi chưa thành niên thì khi chấp hành xong hình phạt đa số các em đã trở thành người thành niên, khi đó nếu các em phạm tội tiếp thì không được tính vào NCTN phạm tội.

- *Về đồng phạm với người lớn tuổi khác:* Qua thực tế KSĐT các vụ án do NCTN phạm tội trong 5 năm gần nhất cho thấy, có một tỷ lệ lớn NCTN phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo và các em thường không thực hiện hành vi phạm tội một mình, trong những vụ án đồng phạm thường là người thực hành cùng với những người lớn tuổi khác đã thành niên. Cụ thể trong tổng số NCTN phạm tội năm 2011, thì số phạm tội cùng với người lớn tuổi khác chiếm tỷ lệ 44,6%, (33 bị can); năm 2012 là 32,4% (22 bị can), năm 2013 là 23,4% (25 bị can), năm 2014 là 23,3% (17 bị can) và năm 2015 là 32,6% (28 bị can) đồng phạm cùng với người lớn tuổi khác.

Qua nghiên cứu về nhân thân NCTN phạm tội (giới tính, độ tuổi, trình độ văn hóa, tiền án, tiền sự, đồng phạm với người lớn tuổi khác), ta rút ra được các quy luật, đặc điểm tâm sinh lý, nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Thường các em có hành vi phạm tội ít nghiêm trọng gây hậu quả tác hại không lớn cho xã hội, nhưng nếu phạm tội lần sau thì tính chất tội phạm nghiêm trọng hơn, hậu quả tác hại lớn hơn. Do vậy, ngay từ đầu chúng ta phải

phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để ngăn chặn, không để các em có hành vi phạm tội cũng như tái phạm.

2.2.2.2. Đặc điểm về phương thức, thủ đoạn hoạt động

NCTN thực hiện tội phạm thường có tính bùng bột, dễ bị tác động, kích thích bởi điều kiện ngoại cảnh, thích bắt chước làm theo người lớn, thích phiêu lưu mạo hiểm, bắt chước các nhân vật trong phim, truyện. Vì vậy, khi thực hiện tội phạm phương thức thủ đoạn thường đơn giản, ít tinh vi, xảo quyệt, chưa có ý thức xóa dấu vết ở hiện trường. NCTN thực hiện tội phạm theo băng, ổ, nhóm chủ yếu là do có cùng sở thích nhưng tính chất của băng, ổ, nhóm không bền vững, không có sự ràng buộc, không chế lẫn nhau. Khi hoạt động ít có sự phân công vai trò cụ thể, rõ ràng mà nổi bật nhất trong nhóm thường có một đối tượng cầm đầu, còn các đối tượng khác nếu có điều kiện thì cùng thực hiện tội phạm. Quá trình thực hiện tội phạm có công cụ, phương tiện nào thì sử dụng công cụ, phương tiện đó.

2.2.2.3. Đặc điểm địa bàn gây án, địa bàn tiêu thụ tài sản, nơi ẩn náu

Tội phạm do NCTN thực hiện thường tập trung nhiều ở thành phố Bắc Ninh và các huyện lân cận Thành phố theo các tuyến quốc lộ chính như: Thị xã Từ Sơn, các huyện Tiên Du, Yên Phong... Sở dĩ tội phạm xảy ra nhiều ở địa bàn này là do đây có nhiều khu công nghiệp, dân cư đông, phức tạp, nhiều thành phần làm ăn, sinh sống, tập trung nhiều đầu mối giao thông. Đây là những địa bàn phức tạp về trật tự xã hội, là môi trường thuận lợi cho tội phạm hoạt động, trong đó có tội phạm là NCTN. Khi thực hiện tội phạm, tài sản chiếm đoạt được các đối tượng thường mang đi khỏi nơi gây án và tiêu thụ ngay để lấy tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân như: Uống bia, rượu, đi nhà hàng, chơi điện tử, sử dụng ma túy. Đối với những vụ án liên quan đến tính mạng, sức khỏe, sau khi phạm tội đối tượng thường tẩu thoát nhanh khỏi nơi gây án

và trốn sang các khu vực lân cận, không lẩn trốn ở quá xa khu vực gây án nên thuận lợi cho việc phát hiện tội phạm và quá trình điều tra.

- *Về thời gian gây án*: Các loại tội phạm do NCTN thực hiện có thể xảy ra bất cứ thời gian nào trong ngày, khi có điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi là sẵn sàng gây án. Tội phạm trộm cắp tài sản chủ yếu xảy ra vào ban đêm, do đây là thời gian mọi người đều đi ngủ, khi thực hiện tội phạm khó bị phát hiện. Đối với các tội phạm cướp, cướp giật, thì xảy ra khi bắt gặp sự sơ hở của bị hại như: Đi vào đường vắng, treo túi xách trên xe hoặc trên người.

- *Về phương tiện thực hiện tội phạm*: Tội phạm hình sự do NCTN thực hiện đang có xu thế tạo thành băng, ổ, nhóm tội phạm hoạt động lưu động có sử dụng các hung khí như: Dao, kiếm, lê, mã tấu, côn...các loại vũ khí này đều có sự chuẩn bị trước khi gây án. Khi có vũ khí sẵn sàng đánh, đâm, chém mà không cần nghĩ đến hậu quả tác hại.

2.3. Những kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

2.3.1. Những kết quả đạt được trong công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can người chưa thành niên và nguyên nhân

2.3.1.1. Những kết quả đạt được

Từ năm 2011 đến nay, hầu hết vụ án hình sự có bị can là NCTN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đều được phát hiện kịp thời, điều tra khám phá nhanh chóng và xử lý đúng người, đúng tội, đúng chính sách, pháp luật, chưa có trường hợp nào trong quá trình điều tra, truy tố của CQĐT, VKSND có sai phạm và gây hậu quả nghiêm trọng tạo bất bình trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng đến uy tín các cơ quan thi hành pháp luật. Kết quả xử lý của CQĐT, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015 đối với các vụ án có bị can là NCTN (**Bảng 2.5**) [38] như sau:

- *Kết quả kiểm sát việc khởi tố; kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và kiểm sát việc khám xét, thu giữ, kê biên tài sản:* Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã phối hợp chặt chẽ với CQĐT cùng cấp trong việc tiếp nhận, quản lý phân loại và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT. Tất cả các đơn vị Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đều mở sổ sách và phân công KSV theo dõi tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trên địa bàn do đơn vị mình quản lý. Kết quả nổi bật trong hoạt động này là số vụ phạm tội và đối tượng phạm tội được phát hiện kịp thời; các vụ án, CQĐT và VKSND trao đổi với nhau thông tin từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, CQĐT đã cung cấp tài liệu, thông tin vụ án cho VKSND cơ bản là đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện để VKSND phê chuẩn các quyết định của CQĐT đảm bảo chính xác.

Công tác kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đối với các vụ án có bị can là NCTN luôn được coi trọng, do đó đã khắc phục tình trạng khởi tố, bắt giữ, tạm giam thiếu căn cứ, vi phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, đảm bảo đúng quy định tại chương XXXII BLTTHS năm 2003 áp dụng đối với NCTN phạm tội. Đã thực hiện tốt việc phê chuẩn bắt giữ, tạm giam, bảo đảm việc phê chuẩn có đủ căn cứ, đúng pháp luật. Không có trường hợp nào bắt, tạm giữ hình sự sau đó chuyển xử lý hành chính đối với NCTN. Nhờ phê chuẩn bắt giữ, tạm giam thận trọng, kiên quyết từ chối phê chuẩn bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, bắt tạm giam trong các trường hợp không cần thiết đã khắc phục một bước quan trọng việc lạm dụng bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam không đúng pháp luật, bắt oan, sai, nhất là những trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với NCTN.

KSV đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khám xét, thu giữ, kê biên tài sản. Việc khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, vật

chứng trong các vụ án do NCTN gây ra được thực hiện khẩn trương nhưng không qua loa, đại khái đã hạn chế việc tẩu tán vật chứng, tiền, tài sản liên quan hoặc không tìm thấy những vật chứng cần thiết ở nơi bị khám xét.

- *Kết quả kiểm sát trong quá trình CQĐT thực hiện các công tác điều tra và lập hồ sơ vụ án hình sự:* Khi KSĐT các vụ án có bị can là NCTN, các KSV đều xem xét thận trọng các căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can; luôn nắm chắc tiến độ giải quyết vụ án, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra phù hợp để làm rõ diễn biến hành vi phạm tội; kiểm sát chặt chẽ các hoạt động khám nghiệm; thu thập tang, vật chứng của vụ án; kết quả giám định; các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội cũng như các tài liệu khác có liên quan, làm rõ tính chất mức độ hành vi phạm tội, xác định trách nhiệm dân sự và nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội.

Một số trường hợp VKSND trả hồ sơ điều tra bổ sung cho CQĐT, KSV trong quá trình KSĐT đã đề ra yêu cầu điều tra, tuy nhiên sau khi kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ sang VKSND truy tố, KSV khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy CQĐT chưa thực hiện đầy đủ yêu cầu điều tra nên phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong 5 năm qua, số vụ án có bị can là NCTN mà VKSND trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng số án, tỷ lệ là 0,86% (2 vụ/231 vụ). Lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung là do thiếu chứng cứ (năm 2011, 2013).

Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện tốt việc kiểm sát lập hồ sơ vụ án của CQĐT. Qua kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT cho thấy, về cơ bản ĐTV thực hiện đúng quy định về lập hồ sơ, việc lập hồ sơ vụ án có sự phối hợp chặt chẽ của VKSND với CQĐT, nhất là sau khi có Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT- VKS-BCA-BQP ngày 07/5/2005 của VKSNDTC, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa CQĐT

và VKSND trong thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 và Công văn số 71/CSĐT (C16) ngày 26/02/2007 của CQĐT– Bộ Công an.

- *Kết quả kiểm sát việc tạm đình chỉ và đình chỉ của CQĐT*: Trong 5 năm qua, số vụ án có bị can là NCTN khởi tố vụ án, khởi tố bị can sau đó phải đình chỉ điều tra, đình chỉ truy tố là 7 bị can/383 bị can (chiếm tỷ lệ 1,8% so với tổng số NCTN bị khởi tố), lý do đình chỉ vì bị hại rút yêu cầu khởi tố. Về số vụ án phải tạm đình chỉ trong quá trình điều tra, truy tố là 3 bị can/383 bị can (chiếm tỷ lệ 0,78% so với tổng số NCTN bị khởi tố), lý do tạm đình chỉ là chờ kết quả giám định thương tích của bị hại.

Nhìn vào số liệu trên chúng ta thấy tỷ lệ đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra đối với NCTN chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Các trường hợp đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra đều có lý do chính đáng và đúng pháp luật như bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố (đình chỉ), chờ kết quả giám định thương tích của bị hại (tạm đình chỉ).

- *Kết quả kiến nghị yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm trong quá trình điều tra và kiến nghị các cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật*: Qua hoạt động KSĐT của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh, qua mỗi năm đều có những tiến bộ nhất định, nhất là đối với các vụ trọng án, án điểm, án có bị can là NCTN. Nhờ đó đã phát hiện, kiến nghị yêu cầu CQĐT khắc phục những vi phạm phổ biến trong hoạt động điều tra như: Vi phạm về xử lý vật chứng; vi phạm về trưng cầu giám định; vi phạm về bắt, tạm giữ, tạm giam; vi phạm trong việc lập hồ sơ vụ án, vẽ sơ đồ hiện trường nhất là những vụ án tai nạn giao thông đường bộ... Cụ thể: Năm 2011, ban hành 04 kiến nghị; năm 2012 ban hành 9 kiến nghị; năm 2013 ban hành 7 kiến nghị; năm 2014, ban hành 8 kiến nghị; năm 2015, ban hành 12 kiến nghị về các vi phạm trên [39].

Thông qua việc kiểm sát giải quyết án hình sự, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã chú ý xác định những nguyên nhân, điều kiện phạm tội,

những bất cập trong cơ chế, chính sách để kiến nghị với cơ quan tổ chức liên quan có biện pháp phòng ngừa tội phạm, khắc phục những thiếu sót trong quản lý như: đối với tệ nạn ma túy trên các địa bàn xảy ra nhiều, hoạt động định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản; trong đăng ký, quản lý hộ khẩu, quản lý tạm trú... Cụ thể: Năm 2013 ban hành 12 kiến nghị; năm 2014, ban hành 6 kiến nghị; năm 2015, ban hành 10 kiến nghị về các vi phạm trên [39]. Điển hình, trong năm 2015, thông qua công tác kiểm sát giải quyết vụ án hình sự có bị can là NCTN, VKSND tỉnh Bắc Ninh nhận thấy tình hình học sinh vi phạm pháp luật và phạm tội có chiều hướng gia tăng, đặc biệt là học sinh ở các Trường trung học cơ sở đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đơn vị đã ban hành kiến nghị phòng ngừa đối với Giám đốc Sở giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh có biện pháp chỉ đạo việc quản lý, giáo dục học sinh để hạn chế, tiến tới không để xảy ra tình trạng học sinh vi phạm pháp luật và phạm tội [39].

2.3.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước ngày càng quan tâm, ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến công tác tư pháp, trong đó có Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”; Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, trong đó nhấn mạnh đến trách nhiệm “*Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*” [9] từ đó đã tác động tích cực, nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tư pháp nói chung, trong đó có trách nhiệm của VKSND.

Thứ hai, Vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của VKSND trong hoạt động điều tra ngày càng được củng cố và tăng cường, ghi nhận rõ hơn trong các văn bản pháp luật, nhất là BLTTHS, Luật tổ chức VKSND và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều đó đã tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho VKSND thực hiện tốt chức năng THQCT và KSĐT, gắn công tố với hoạt động điều tra, đảm bảo giải quyết vụ án kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.

Thứ ba, Sự nỗ lực phấn đấu, học tập, tu dưỡng, rèn luyện của đội ngũ cán bộ, KSV đã tạo nhiều chuyển biến tích cực, trưởng thành về chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, biết kết hợp chính sách của Đảng với pháp luật của Nhà nước trong việc xử lý vi phạm, tội phạm nên không làm oan người vô tội, hạn chế bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Thứ tư, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh luôn quan tâm đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành theo hướng sâu sát, cụ thể, quyết liệt; luôn chú trọng đến công tác tổng kết, rút kinh nghiệm thực tiễn; tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, nâng cao tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; kịp thời kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm cán bộ, KSV có vi phạm.

Thứ năm, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện ngày càng hiệu quả quan hệ phối hợp với CQĐT cùng cấp, hướng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi ngành vào mục tiêu chung, phối hợp kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mỗi cơ quan.

Thứ sáu, Sự quan tâm sâu sắc của các cấp ủy Đảng, chính quyền cũng tạo nên sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức của nhân dân đối với công tác của ngành Kiểm sát. Nhân dân ngày càng hiểu rõ hơn về vị trí, vai trò, trách nhiệm của VKSND trong việc bảo vệ chế độ Nhà nước cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, do đó luôn tin tưởng, ủng hộ.

Thứ bảy, Điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kiểm sát được quan tâm đầu tư, xây dựng và mua sắm tạo điều kiện thuận lợi cho VKSND hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.3.2. Những hạn chế trong công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên và nguyên nhân

2.3.2.1. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả, ưu điểm nêu trên, hoạt động KSĐT của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đối với vụ án hình sự có bị can là NCTN còn có những hạn chế sau đây:

- *Thứ nhất*, Việc nắm, quản lý tổ giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố chưa chặt chẽ, còn để bỏ sót tin báo chưa được CQĐT thụ lý, xác minh, vẫn còn để việc tôn đợng thông tin về vi phạm, tội phạm chưa xử lý kịp thời; một số tổ giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố quá hạn luật định chưa giải quyết kịp thời.

- *Thứ hai*, Một số trường hợp, khi tiến hành hoạt động kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, kiểm sát việc lập hồ sơ, biên bản vụ án còn tình trạng qua loa, tắc trách, không đúng quy định BLTTHS 2003, gây ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ, giá trị chứng minh tội phạm trong vụ án.

- *Thứ ba*, Việc xác định thời hạn trong một số trường hợp gia hạn tạm giữ, tạm giam còn thiếu chính xác, cụ thể: một số vụ án, KSV không kiểm sát chặt chẽ cách tính thời hạn tạm giữ, tạm giam nên CQĐT vẫn tính nhầm giờ, ngày cho đối tượng bị tạm giữ, tạm giam.

- *Thứ tư*, KSV được phân công KSĐT vụ án chưa chủ động nắm chắc tiến độ, kết quả điều tra và việc lập hồ sơ kiểm sát vụ án ngay từ đầu và trong quá trình điều tra để đề ra yêu cầu điều tra toàn diện, sát và đúng với thực tế vụ án; có trường hợp tuy đã đề ra yêu cầu điều tra nhưng không theo dõi, giám sát thường xuyên, chặt chẽ để bảo đảm việc điều tra được thực hiện nghiêm túc, vì vậy đã để xảy ra thiếu sót trong hoạt động điều tra dẫn đến việc trả hồ sơ điều tra bổ sung.

- Thứ năm, BLTTHS năm 2003 quy định thủ tục tố tụng đối với NCTN. Nhưng do những quy định của chương này chưa cụ thể, chưa đồng bộ, chưa làm nổi bật cơ chế thủ tục tố tụng riêng nên việc tiến hành tố tụng vẫn bị thủ tục chung lấn át. Cụ thể như tại khoản 1, Điều 302 quy định: "*Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội phải là người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên*" [19] và quy định về quyền bào chữa của NCTN tại khoản 2, Điều 305 như sau: "*Trong trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn được người bào chữa thì CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ*" [19]. Tuy nhiên trong thực tế tại tỉnh Bắc Ninh thời gian qua do số lượng ĐTV, KSV cũng như Thẩm phán còn thiếu, chưa được đào tạo bài bản về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của NCTN nên chưa thể đáp ứng được đầy đủ quy định tại khoản 1, Điều 301 BLTTHS.

Về quyền bào chữa của NCTN cũng chưa được thực hiện nghiêm túc do tâm lý của các ĐTV, KSV, Thẩm phán không muốn có luật sư tham gia vào quá trình tố tụng của vụ án do mình thụ lý nên họ thường lách luật bằng cách tư vấn, vận động NCTN phạm tội và người đại diện hợp pháp của họ từ chối mời luật sư. Mặt khác, một số luật sư được chỉ định bào chữa cho NCTN phạm tội thường không làm hết trách nhiệm, thông đồng, thỏa hiệp với những người tiến hành tố tụng để giữ quan hệ. Chính vì những nguyên nhân nêu trên dẫn đến việc NCTN có thể không được những người tiến hành tố tụng đối xử phù hợp với tâm lý lứa tuổi, không được hưởng đầy đủ các chính sách hình sự do Nhà nước quy định khiến cho các em mất đi cơ hội được giáo dục, cải tạo để tái hòa nhập cộng đồng.

2.3.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- *Thứ nhất*, Năng lực, ý thức trách nhiệm của một bộ phận KSV và cán bộ quản lý, chỉ đạo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Một bộ phận nhỏ KSV có trình độ pháp luật và nghiệp vụ kiểm sát còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu. Trong khi đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới; khối lượng công việc tăng đều hàng năm và yêu cầu ngày càng cao của việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong tiến trình cải cách tư pháp dẫn đến còn án trả hồ sơ điều tra bổ sung và một số vụ việc giải quyết còn để kéo dài.

- *Thứ hai*, Môi quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và VKSND trong hoạt động điều tra vụ án có bị can là NCTN đôi khi còn chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ. Môi quan hệ giữa CQĐT và VKSND trong hoạt động điều tra, tuy pháp luật TTHS hiện hành đã quy định CQĐT phải thực hiện các quyết định, yêu cầu của VKSND nhưng chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm của CQĐT, thực ra chỉ là sự ràng buộc về thủ tục pháp lý, còn nội dung tiến hành các hoạt động điều tra như thế nào, thu thập những chứng cứ gì chủ yếu do ĐTV thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT quyết định.

Quan hệ phối hợp giải quyết án trong nhiều trường hợp còn thiếu chặt chẽ, có trường hợp đùn đẩy trách nhiệm. Từ khi có Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH11 và Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước (có hiệu lực từ ngày 01/01/2010) cho những người bị oan, sai đã nảy sinh tâm lý trong một số ít cán bộ, KSV nặng về chống làm oan người vô tội, thiếu kiên quyết, chưa thực sự chủ động phối hợp, yêu cầu CQĐT có biện pháp khắc phục việc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Ngược lại, do nể nang, né tránh, ngại va chạm, có nơi bỏ qua sai lầm, vi phạm nghiêm trọng của CQĐT dẫn đến tình trạng vi phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.

- *Thứ ba*, Một bộ phận KSV chưa nhận thức đúng, đầy đủ về vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của VKSND trong hoạt động KSĐT nên chưa phát huy hết chức năng, quyền năng hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ; còn thụ động chờ việc của CQĐT, lệ thuộc vào CQĐT; không thực hiện tốt các yêu cầu kỹ năng của công tác kiểm sát như: KSĐT từ đầu; định kỳ phối hợp giữa ĐTV và KSV để tổng hợp, đánh giá chứng cứ, đề ra kế hoạch điều tra tiếp theo...

- *Thứ tư*, Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và công tác tổ chức cán bộ chưa thực sự khoa học và đi vào nề nếp; việc sắp xếp, bố trí cán bộ, KSV có phần dàn đều, chưa chú trọng đến các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự. Việc phân công cán bộ làm công tác THQCT và KSĐT vụ án phức tạp và vụ án có bị can là NCTN, có nơi, có việc còn bố trí KSV năng lực còn hạn chế, thiếu kiến thức và kinh nghiệm cần thiết đảm nhiệm, dẫn đến việc thực hiện còn có thiếu sót.

- *Thứ năm*, Công tác thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ nội bộ còn hạn chế. Có nhiều cuộc kiểm tra mang tính hình thức; các vi phạm thường được lặp đi lặp lại nhiều năm nhưng vẫn chỉ dừng lại ở kiểm điểm, rút kinh nghiệm, chưa có biện pháp mạnh để xử lý dứt điểm đối với những vi phạm đã mắc phải.

- *Thứ sáu*, Điều kiện làm việc, phương tiện kỹ thuật, kinh phí nghiệp vụ còn hạn chế đã giảm hiệu quả và tính kịp thời của hoạt động THQCT và KSĐT nhất là đối với hoạt động của KSV khi tham gia kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét và hỏi cung bị can.

- *Thứ bảy*, Chính sách đối với cán bộ, KSV; nhất là chính sách tiền lương, phụ cấp, điều kiện, phương tiện làm việc còn khó khăn, chưa tạo động lực phát huy sở trường của cán bộ.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, tác giả đã sử dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh để đánh giá đặc điểm, tình hình có liên quan đến vụ án hình sự có bị can là NCTN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015. Trên cơ sở số liệu thống kê, tác giả đã phân tích, đánh giá, làm rõ những ưu điểm và kết quả đạt được về lĩnh vực hoạt động này của ngành Kiểm sát Bắc Ninh.

Kết quả tổng kết thực tiễn giúp cho chúng ta nâng cao chất lượng hoạt động KSĐT đối với vụ án hình sự có bị can là NCTN, nhằm không để xảy ra tình trạng khởi tố, áp dụng biện pháp, ngăn chặn, truy tố oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm góp phần thực hiện tốt công tác đấu tranh và phòng ngừa NCTN phạm tội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SÁT ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ CÓ BỊ CAN LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TỪ THỰC TIỄN CỦA VIỆN KIỂM SÁT HAI CẤP TỈNH BẮC NINH

3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh

3.1.1. Dự báo tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trong thời gian tới

Trong những năm tới, cùng với sự phát triển đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sự phát triển với tốc độ cao của khoa học công nghệ; sự tác động tiêu cực của mặt trái xã hội thì đặc điểm hình sự của tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cũng có những biểu hiện mới về nhân thân; thời gian, địa điểm gây án; công cụ phương tiện; thủ đoạn che giấu tội phạm, cụ thể là:

- Tình trạng tái phạm, tái phạm nguy hiểm đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, nhất là những đối tượng là NCTN phạm tội sau khi cải tạo về với xã hội ngày càng nhiều. Nhưng điều kiện xã hội để giúp họ thực sự hòa nhập với xã hội còn gặp nhiều khó khăn về công ăn, việc làm, tâm lý mặc cảm xã hội... số này tiếp tục giao du với các đối tượng xấu và có thể sẽ tiếp tục phạm tội.

- Về thời gian có thể xảy ra bất cứ thời gian nào; về địa điểm có thể xảy ra ngay tại gia đình, nơi công cộng, có thể xảy ra tại các nhà máy, các khu công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Vì vậy, nếu không tăng cường đấu tranh, ngăn chặn sẽ ảnh hưởng lớn đến chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài trên địa tỉnh.

- Về phương thức, thủ đoạn gây án, do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, người phạm tội có thể sử dụng những thủ đoạn mới để thực hiện việc phạm tội gây khó khăn cho công tác điều tra.

Qua thực tiễn đấu tranh với loại tội phạm do NCTN gây ra từ năm 2011 đến 2015, cho thấy diễn biến tình hình tội phạm này trên địa bàn tỉnh tăng giảm không đồng đều, nhưng diễn biến của loại tội phạm này có thể tăng hay giảm phụ thuộc vào hiệu quả của công tác đấu tranh, phòng ngừa của các cơ quan chức năng trên thực tiễn. Trong đó, CQĐT, VKSND và TAND ở tỉnh Bắc Ninh giữ vai trò nòng cốt. Theo số liệu thống kê trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh về tội phạm của NCTN cho thấy năm 2011 xảy ra 51 vụ; năm 2012 xảy ra 40 vụ (giảm 11 vụ); nhưng đến năm 2013 xảy ra 63 vụ (tăng 23 vụ); năm 2014 xảy ra 36 vụ (giảm 27 vụ) nhưng đến năm 2015 lại xảy ra 41 vụ (tăng 5 vụ) [38]. Vì vậy, có thể đánh giá rằng công tác phối hợp đấu tranh với loại tội phạm này giữa các cơ quan chức năng, trong đó nòng cốt là các cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh vẫn chưa đạt hiệu quả cao.

Với những nhận xét, đánh giá nêu trên, có thể dự báo rằng, trong những năm tới tình hình tội phạm do NCTN gây ra trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh còn diễn biến rất phức tạp, tăng giảm không đều và tính chất mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng. Do đó, CQĐT, VKSND và TAND cần phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện tốt công tác phòng ngừa và phải có sự tăng cường hơn nữa công tác đấu tranh, phát hiện, điều tra và làm rõ để xử lý nghiêm minh, góp phần làm giảm đáng kể tình trạng tội phạm ở địa bàn tỉnh Bắc Ninh nói chung và tội phạm do NCTN thực hiện nói riêng nhằm làm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

3.1.2. Các yếu tố đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

3.1.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động kiểm sát điều tra đối với vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Trong suốt quá trình kể từ khi thành lập Đảng đến nay, đặc biệt là từ khi thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, nền kinh tế - xã hội nước ta đã có sự phát triển vượt bậc, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân đang ngày càng được cải thiện và nâng cao.

Trong tổ chức và hoạt động của ngành Kiểm sát, Đảng giữ vai trò lãnh đạo về chính trị, tư tưởng; về tổ chức, cán bộ. Đó là việc xây dựng và thực hiện chiến lược quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quá trình bổ nhiệm các chức danh, đó là việc sắp xếp cán bộ có đủ đức, đủ tài, có năng lực trình độ vào những công việc trọng yếu của công tác tư pháp nói chung và công tác kiểm sát hoạt động tư pháp nói riêng. Đảng lãnh đạo bằng phương thức kiểm tra, kịp thời uốn nắn sai phạm, loại bỏ những cán bộ thoái hóa biến chất, không giữ được phẩm chất người cán bộ cách mạng. Về phương thức, Đảng lãnh đạo nhưng không can thiệp trực tiếp, không làm ảnh hưởng đến nguyên tắc độc lập, khách quan, vô tư và chỉ tuân theo pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thông qua việc cấp ủy Đảng định kỳ nghe báo cáo tình hình hoạt động, thông qua kết quả kiểm tra, sẽ giúp cấp ủy Đảng đánh giá được những ưu khuyết điểm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND. Từ đó, có các chủ trương lãnh đạo, kiện toàn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan Viện kiểm sát.

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, trong thời gian qua, chất lượng công tác tư pháp đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ; công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm có những chuyển

biến tích cực. Nhận thức của các cấp uỷ đảng và đảng viên cũng như của toàn xã hội đối với hoạt động THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp; về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn; nhiều chính sách, chế độ được đổi mới, tạo điều kiện cho Ngành thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong đó có hoạt động KSĐT án hình sự.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng KSĐT vụ án hình sự nói chung, và KSĐT đối với vụ án hình sự có bị can là NCTN nói riêng; trong thời gian tới, toàn ngành Kiểm sát Bắc Ninh phải nhận thức và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Ngành. Các cấp uỷ đảng cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN theo hướng sau:

- Đảng lãnh đạo ngành Kiểm sát chặt chẽ về chính trị, tổ chức và cán bộ, bảo đảm hoạt động của ngành Kiểm sát được thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; khắc phục tình trạng cấp uỷ buông lỏng lãnh đạo hoặc cấp uỷ can thiệp vào hoạt động KSĐT; cán bộ và KSV thoát ly sự lãnh đạo của tổ chức Đảng hoặc thiếu tính chủ động, ỷ lại cấp uỷ.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của các tổ chức Đảng, của đảng viên và chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng đúng cán bộ trong ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức Đảng với các cơ quan tư pháp và các ban, ngành có liên quan theo hướng, cấp uỷ định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến định hướng về công tác tư pháp. Xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư pháp.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Ngành phải được thực hiện một cách toàn diện, chặt chẽ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ, từ quá trình xây dựng chủ trương, đường lối, quan điểm đến việc chỉ đạo thực hiện đường lối, quan điểm đó. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nội dung của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, VKSND và CQĐT theo Nghị quyết 49-NQ/TW.

3.1.2.2. Hoạt động kiểm sát điều tra đối với vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên phải nhanh chóng và đúng pháp luật

Xét dưới góc độ tâm lý tư pháp, NCTN có đặc điểm chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm sinh lý đang có nhiều thay đổi, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Điều này dẫn tới hai đặc trưng về xu hướng phạm tội cũng như khả năng giáo dục cải tạo NCTN để xem xét trong hoạt động điều tra, KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN.

Thứ nhất, liên quan đến xu hướng phạm tội, NCTN dễ bị người khác dụ dỗ, kích động, thúc đẩy vào việc thực hiện tội phạm. Tình hình phạm tội ở Bắc Ninh và ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy xu hướng trẻ hóa và rơi vào nhóm tuổi chưa thành niên với số lượng nhiều hơn, cơ cấu đa dạng hơn và tính chất phức tạp hơn. Tuy nhiên, trên mặt bằng chung thì về cơ bản NCTN chủ yếu thực hiện những loại tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, NCTN cũng gây ra các loại tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, nhưng tỷ lệ nhỏ so với người đã thành niên. Các tội phạm này xuất phát từ động cơ tương đối đơn giản do những mâu thuẫn, va chạm trong cuộc sống, do cần tiền để tiêu xài, đua đòi với bạn bè, do muốn chứng tỏ bản lĩnh cá nhân, muốn làm ngược lại với những quy phạm xã hội mà người lớn giáo dục hay áp đặt.

Thứ hai, liên quan đến khả năng giáo dục cải tạo NCTN phạm tội. NCTN nằm trong nhóm có nguy cơ cao bị tổn thương bởi các tác động từ quá trình TTHS đưa lại và thường ảnh hưởng nặng nề hơn so với người thành niên. Tổn hại về tinh thần của lứa tuổi này dễ dẫn đến những sang chấn tâm lý mạnh và để lại những di chứng tiêu cực kéo dài. Do vậy, cần đặt ra chính sách phù hợp, đặc biệt, quy trình TTHS phải được mở rộng theo hướng nhân văn hơn đối với NCTN, giúp cho họ hạn chế những tổn thương do việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng gây nên. Do đó việc điều tra, KSDT vụ án hình sự có bị can là NCTN đòi hỏi phải nhanh chóng và đúng pháp luật, để đảm bảo quyền lợi cho họ.

3.1.2.3. Hoạt động kiểm sát điều tra đối với vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên phải đảm bảo xu hướng hội nhập quốc tế.

Đấu tranh ngăn chặn tình trạng NCTN phạm tội trong điều kiện hiện nay, việc áp dụng pháp luật hình sự với những chế tài nghiêm khắc là hết sức cần thiết, nhưng phải chú ý tới yêu cầu giáo dục, cảm hóa NCTN phạm tội, tạo điều kiện để họ tự sửa chữa sai lầm, khuyết điểm trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý NCTN phạm tội, phải tập trung xử lý nghiêm minh, kịp thời có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung các loại tội phạm đang có chiều hướng gia tăng trong lứa tuổi NCTN, như các tội xâm phạm sở hữu; tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe người khác. Thông qua hoạt động KSDT các loại tội phạm của NCTN, cần kiến nghị các ngành hữu quan có những biện pháp quản lý, giáo dục và ngăn ngừa NCTN phạm tội có hiệu quả.

Việc quyết định các chế tài hình sự áp dụng đối với NCTN, ngoài việc đảm bảo quy định của pháp luật Việt Nam còn phải tính đến mức độ phù hợp với quy định pháp luật của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Việc quyết định TNHS đối với NCTN phải đảm bảo yêu cầu bảo vệ quyền con người và quyền trẻ em theo các Công ước quốc tế. Tránh hình sự hóa các

hành vi vi phạm pháp luật chưa đến mức bị coi là tội phạm của NCTN. Nếu phải xử lý NCTN phạm tội thì cần chú ý và ưu tiên xem xét tới việc miễn TNHS, miễn hình phạt, áp dụng một biện pháp thay thế hình phạt và một hình phạt giảm nhẹ so với người thành niên. Hoạt động áp dụng pháp luật đó phải đảm bảo các nguyên tắc chung của pháp luật Quốc tế là: *“Trong trường hợp một NCTN phạm tội không được xử lý theo hướng khác có lợi hơn thì cơ quan có thẩm quyền (Tòa án...) sẽ xét xử trẻ em đó theo những nguyên tắc của một phiên toà công bằng và bình đẳng”* và *“Các thủ tục tố tụng phải nhằm đảm bảo những lợi ích tốt nhất của trẻ em và phải được tiến hành trong một bầu không khí hiểu biết cho phép trẻ em tham gia vào và tự do bày tỏ ý kiến”* [27, tr.85].

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới

3.2.1. Xây dựng hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên

Hệ thống tư pháp thân thiện với NCTN là một hệ thống được thiết kế phù hợp với lứa tuổi, những đặc điểm tâm sinh lý của NCTN. Xây dựng một hệ thống tư pháp thân thiện với NCTN là phù hợp với quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta đối với NCTN phạm tội được thể hiện rất đầy đủ trong BLHS, BLTTHS. Theo đó, nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Mặc dù pháp luật đã có những quy định riêng đối với NCTN trong tố tụng; trong nguyên tắc áp dụng định tội danh và hình phạt của luật hình sự, những chế tài hình phạt được áp dụng điều khoản nhẹ hơn so với người thành niên phạm tội ở cùng hành vi phạm tội và tội danh. Ngoài ra, pháp luật cũng có những văn bản dưới luật hướng dẫn việc thi hành một số quy định trong tố tụng hình sự đối với NCTN nhằm bảo đảm việc tiến hành tố tụng phù hợp với

tâm lý, lứa tuổi của họ. Tuy nhiên trong thực tiễn vận dụng do chưa được quan tâm nên vẫn còn những hạn chế, chưa bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của họ, còn bộc lộ những tồn tại, thiếu sót, dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN bị vi phạm, chưa đáp ứng đòi hỏi của tiến trình đổi mới tư pháp ở Việt Nam. Từ thực tiễn trên, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng hệ thống tư pháp thân thiện hướng tới giải quyết hiệu quả các vụ án do NCTN thực hiện như sau:

- *Thứ nhất*, Đảng và Nhà nước cần sớm quan tâm, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan tiến hành tố tụng để xây dựng, thiết kế buồng tạm giữ, tạm giam, phòng hỏi cung, phòng xử án dành riêng cho NCTN phạm tội, theo hướng thân thiện phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, khả năng nhận thức của bị can, bị cáo là NCTN, để các em đỡ căng thẳng, sợ sệt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; nâng cao hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

- *Thứ hai*, Tất cả những người tiến hành tố tụng khi được phân công thụ lý giải quyết các vụ án có bị can, bị cáo là NCTN đều đã phải được tập huấn về phương pháp bảo vệ trẻ em cùng các biện pháp tư pháp thân thiện với NCTN để có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm liên quan đến NCTN. Khi tiến hành các hoạt động điều tra các vụ án do NCTN phạm tội ĐTV, KSV phải mặc thường phục

- *Thứ ba*, Đẩy nhanh việc thành lập Tòa án người chưa thành niên theo quy định mới của Luật tổ chức TAND 2014; quá trình xét xử NCTN bỏ “vành móng ngựa”; không xử lưu động các vụ án có liên quan đến NCTN phạm tội, hoặc người bị hại là NCTN; thực hiện xử kín và khi tuyên án công khai cũng không nêu tên thật và địa chỉ của các em; bố trí nhân viên chăm sóc y tế, tư vấn tâm lý tại phiên tòa... Những quy định này sẽ phù hợp với các chuẩn mực

quốc tế về thủ tục tố tụng đối với NCTN được thể hiện trong Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và các văn bản có liên quan mà Việt Nam đã tham gia và cam kết thực hiện.

3.2.2. Tập trung thực hiện tốt việc quán triệt, triển khai, thi hành Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trong đó có các quy định về người chưa thành niên

3.2.2.1. Một số điểm mới của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về người chưa thành niên

- BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, đã sửa đổi toàn diện các quy định về NCTN phạm tội tại “Chương XII: Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”, từ Điều 90 đến Điều 107. Trong đó, có nhiều nội dung mới, được thể hiện cơ bản như: BLHS 2015 đã thay đổi cụm từ “người chưa thành niên” thành “người dưới 18 tuổi”; đồng thời sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ các tội danh cụ thể thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà NCTN từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, đồng thời bổ sung một số tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng nhưng có tính chất, mức độ nguy hiểm, xảy ra phổ biến mà NCTN từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi cũng phải chịu trách nhiệm hình sự để xử lý nghiêm khắc.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 12, BLHS năm 2015: Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về 07 tội gồm: tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định trong 22 điều luật phần các tội phạm của BLHS năm 2015 [17].

Về nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội, BLHS năm 2015 đã sửa đổi theo hướng cụ thể hơn và khẳng định các nguyên tắc: Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của họ. Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa... [17].

- Đối với BLTTHS năm 2015, có hiệu thi hành theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, cũng sửa đổi bổ sung toàn diện thủ tục tố tụng đối với NCTN tại Chương XXVIII, Phần thứ bảy - Thủ tục đặc biệt “Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi”, gồm 18 điều, từ Điều 413 đến Điều 430. Trong đó, có nhiều nội dung mới, được thể hiện cơ bản như: Sửa đổi, mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục tố tụng đặc biệt (BLTTHS 2003 có phạm vi chỉ áp dụng đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là NCTN; nay BLTTHS 2015 đã mở rộng phạm vi áp dụng bao gồm thêm người bị hại và người làm chứng là người dưới 18 tuổi); ghi nhận và quy định đầy đủ, toàn diện 07 nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với NCTN tại Điều 414 (trước BLTTHS 2003 chưa quy định), mà cơ quan, người tiến hành tố tụng phải quán triệt, tôn trọng và nghiêm túc thực hiện khi tiến hành tố tụng đối với những vụ án liên quan NCTN, nhằm bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN trong tố tụng hình sự, gồm: *Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi; bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi; Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi; Bảo đảm quyền*

tham gia tố tụng của người đại diện của người dưới 18 tuổi, nhà trường, Đoàn thanh niên, người có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý, xã hội, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt... Việc ghi nhận, quy định các nguyên tắc tiến hành tố tụng này là điểm đổi mới rất cơ bản về thủ tục tố tụng đối với NCTN, thể hiện quan điểm, chính sách nhân đạo của Nhà nước, tạo điều kiện tối đa bảo đảm việc bảo vệ quyền và lợi ích của NCTN trong hoạt động tố tụng giải quyết án hình sự. Ngoài ra BLTTHS 2015 còn hoàn thiện các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án hình sự liên quan đến NCTN (gồm: quy định mới việc xác định tuổi của người bị buộc tội; bổ sung xác định rõ trách nhiệm giám sát đối với người bị buộc tội; đổi mới việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; bổ sung các quyền của người đại diện, nhà trường, tổ chức khi tham gia tố tụng; đổi mới, quy định chặt chẽ thủ tục lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị hại, người làm chứng, hỏi cung bị can, đối chất; bổ sung quy định rõ việc bảo đảm quyền bào chữa...); quy định mới về thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục đối với NCTN phạm tội được miễn TNHS và quy định cụ thể thủ tục áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng [19].

3.2.2.2. Thực hiện tốt việc Quán triệt, triển khai, nghiên cứu, thi hành Bộ luật hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đi vào cuộc sống tại Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh

Ngày 27/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS số 100/2015/QH13 năm 2015 cùng Nghị quyết thi hành Bộ luật số 109/2015/QH13; BLTTHS số 101/2015/QH13 năm 2015 cùng Nghị quyết thi hành bộ luật số 110/2015/QH13.

Để Bộ luật hình sự sớm đi vào cuộc sống, ngày 19/2/2016 Chính phủ ban hành quyết định số: 272/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành

BLHS và ngày 09/3/2016 ban hành Quyết định số 371/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành BLTTHS, trong đó xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm cũng như cơ chế phối hợp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành BLHS năm 2015 và BLTTHS 2015 bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

Để triển khai hiệu quả việc quán triệt, nghiên cứu, thi hành BLHS, BLTTHS 2015, ngành Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh cần xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành các đạo luật mới cho cán bộ, KSV Viện kiểm sát hai cấp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị nhằm phổ biến, quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung các đạo luật đến cán bộ, công chức trong đơn vị, để bản thân mỗi cán bộ, công chức nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, nắm bắt đầy đủ các quy định của các Bộ luật để áp dụng trực tiếp vào công việc của mình; kế hoạch triển khai thực hiện phải xác định cụ thể nội dung triển khai, thời hạn, tiến độ hoàn thành và phân công trách nhiệm để mỗi cán bộ, công chức có thời gian chuẩn bị, thấy được việc nghiên cứu vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ trong việc cập nhật kiến thức pháp luật để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Phải kết hợp nhiều hình thức triển khai quán triệt, phổ biến, nghiên cứu, trong đó chú trọng hình thức tự nghiên cứu kết hợp với tổ chức các buổi triển khai, quán triệt tập trung như tập huấn trực tuyến, tập huấn chuyên sâu. Đầu tư kinh phí để triển khai đăng ký mua đầy đủ các Bộ luật để trang bị cho 100% cán bộ, công chức làm nghiệp vụ chủ động nghiên cứu.

Cùng với việc tổ chức các Hội nghị tập huấn, quán triệt, đơn vị còn có thể tổ chức các cuộc thi để thông qua đó tạo ra một sân chơi bổ ích cho mỗi cán bộ, KSV, tạo tinh thần sôi nổi nghiên cứu, học tập đến toàn thể cán bộ

công chức trong ngành Kiểm sát Bắc Ninh, từ đó kịp thời hiểu đúng, đầy đủ những quy định mới của BLHS, BLTTHS 2015 để áp dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả cao.

Với phương châm “mưa dầm, thấm lâu”, cùng với kết quả từ các hội nghị tập huấn chuyên sâu và việc tự giác nghiên cứu của mỗi cán bộ, công chức của đơn vị, thì cán bộ, KSV sẽ không lúng túng khi áp dụng, kịp thời vận dụng có hiệu quả các quy định của luật để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Ngành, và cùng với thời gian, những kiến thức đó sẽ được chuyển thành những kỹ năng trong hoạt động chuyên môn của mỗi cá nhân.

3.2.3. Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, nâng cao nhận thức về công tác kiểm sát điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

Trong mọi hoạt động của các cơ quan, tổ chức thì công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành luôn giữ vai trò hết sức quan trọng, là yếu tố xuyên suốt quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, quyết định mức độ thành công trong việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, kế hoạch đã đề ra của cơ quan, tổ chức đó. Những năm gần đây, cùng với việc tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị, lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã không ngừng quan tâm, chú trọng và tích cực tìm tòi, đổi mới một cách toàn diện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên tất cả các mặt hoạt động của Ngành. Vì vậy, lãnh đạo Viện có thể thông qua công tác quản lý để nắm chắc được hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị trực thuộc, qua đó đưa ra biện pháp chỉ đạo, điều hành có hiệu quả, sát với thực tế.

Việc quản lý, chỉ đạo, điều hành ở từng khâu công tác kiểm sát phải bảo đảm chế độ tập trung thống nhất trong ngành, song cũng cần thực hiện tốt chế độ phân cấp quản lý theo quy định tại các Quy chế công tác THQCT, kiểm sát xét xử hình sự, kiểm giám giữ cải tạo. Có như vậy mới tăng cường chế độ trách nhiệm và mới phát huy được tính chủ động sáng tạo của ngành

Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh trong hoạt động THQCT và KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục khó khăn và những tồn tại, hạn chế, nhằm đáp ứng với yêu cầu cải cách tư pháp, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh phải tiếp tục đổi mới toàn diện, tập trung ở các nội dung sau:

+ Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo nghiệp vụ, thông qua đó, nắm được toàn bộ tình hình và diễn biến vi phạm, tội phạm xảy ra, đồng thời quản lý chặt chẽ thời hạn, tiến độ vụ án hình sự để phân công KSV kiểm sát điều tra phù hợp với năng lực. Thông qua chế độ báo cáo, giao ban định kỳ để đôn đốc, chỉ đạo thực hiện các vụ việc nổi cộm, bức xúc, phức tạp hoặc có khó khăn, vướng mắc để có biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời.

+ Đổi mới công tác quản lý cán bộ, bên cạnh việc quản lý nghiệp vụ, phải tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, đặc biệt là việc nhận xét, đánh giá, sử dụng cán bộ bảo đảm phù hợp với công việc, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ; phòng ngừa tiêu cực, vi phạm; phát hiện và khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót, vi phạm của cán bộ.

+ Tăng cường công tác phối hợp trong và ngoài ngành Kiểm sát bảo đảm nắm được đầy đủ, kịp thời các thông tin về tội phạm của NCTN; đồng thời, phối hợp trong công tác kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố để điều tra, truy tố, xét xử các vụ án thuộc thẩm quyền kịp thời, đảm bảo tôn trọng chức năng, thẩm quyền của mỗi cơ quan.

3.2.4. Kiện toàn tổ chức, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên

3.2.4.1. Về kiện toàn cơ cấu tổ chức

Để bảo đảm hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN đạt chất lượng và hiệu quả, việc kiện toàn, đổi mới công tác tổ chức bộ máy là việc

làm có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong công tác kiểm sát cũng như trong bất cứ công việc nào, nhân tố con người có vai trò quyết định. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”, “*công việc có thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*” [13, Tr.269 và Tr.273] do đó công tác lựa chọn, sử dụng cán bộ là khâu vô cùng quan trọng.

Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ của ngành Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng cán bộ từng bước được bảo đảm, là điều kiện quan trọng nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành của bộ máy vẫn còn một số tồn tại, yếu kém, thể hiện như: Công tác tổ chức và cơ cấu bộ máy ở một số đơn vị cấp huyện vẫn chậm đổi mới; việc sắp xếp cán bộ có lúc, có nơi chưa hợp lý, vì vậy chưa phát huy được hết năng lực, sở trường của từng cán bộ, KSV. Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đã được đầu tư, quan tâm thỏa đáng, thực hiện theo hướng đồng bộ, nhưng lại thiếu chuyên sâu; công tác quy hoạch, đề bạt và bổ nhiệm cán bộ chưa thực sự khoa học; một số cán bộ sau khi được đề bạt, bổ nhiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu do trình độ năng lực, nhất là năng lực quản lý còn hạn chế...

Nhằm khắc phục những yếu kém, tồn tại về công tác tổ chức bộ máy, trong thời gian tới, cần thực hiện những giải pháp sau:

- VKSNDTC tiếp tục chỉ đạo ngành Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị theo đúng quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng theo yêu cầu cải cách tư pháp.

- Ngành Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh cần rà soát, xác định rõ nhu cầu về biên chế và cơ cấu cán bộ, KSV của từng đơn vị trực thuộc để đề nghị VKSNDTC quyết định giao biên chế cho phù hợp. Nhu cầu về biên chế

không chỉ được xác định trên cơ sở khối lượng công việc như: số lượng án thụ lý, giải quyết hàng năm mà phải còn xác định căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành; các nhiệm vụ chính trị khác thuộc phạm vi ngành phải giải quyết và các điều kiện về tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội của từng đơn vị. Trên cơ sở đó báo cáo VKSNDTC tổng hợp để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin bổ sung biên chế cho ngành và phân bổ biên chế cho đơn vị.

- Quá trình kiện toàn tổ chức cán bộ phải quán triệt nội dung các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu nội dung cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị. Phải xác định rõ yêu cầu và mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, KSV đảm bảo đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng; hàng năm rà soát, đánh giá, phân loại cán bộ, KSV để sắp xếp, bố trí đúng người, đúng việc nhằm phát huy hết năng lực, sở trường.

- Công tác quy hoạch cán bộ phải được làm thường xuyên và liên tục, ưu tiên cán bộ trẻ, cán bộ nữ nhằm tạo nguồn cán bộ cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như về lâu dài, đảm bảo tính liên tục, kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt, chắp vá về nguồn nhân lực.

3.2.4.2. Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ Kiểm sát viên tham gia kiểm sát vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

Những hạn chế, tồn tại trong công tác KSĐT đối với vụ án hình sự có bị can là NCTN như đã phân tích ở trên do nhiều nguyên nhân, song có một nguyên nhân rất cơ bản là do trình độ năng lực, chuyên môn của một bộ phận cán bộ, KSV. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: “*Công tác cán bộ tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ năng lực nghiệp vụ...*” [4]. Do vậy, nâng cao trình độ năng lực chuyên môn nghiệp

vụ cho cán bộ, KSV là việc làm có ý nghĩa quyết định nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém.

Trong những năm qua ngành ngành Kiểm sát luôn quan tâm, chú trọng đến công tác cán bộ, đã phát động nhiều phong trào thi đua để rèn luyện đội ngũ cán bộ, KSV như thực hiện *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*; phấn đấu thực hiện tốt tiêu chí Người cán bộ kiểm sát theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”* và cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ, KSV của ngành: *“Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm, bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”* [36]. Qua đó đã giúp cho đội ngũ cán bộ, KSV tự giác, tu dưỡng rèn luyện năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp. Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngành Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh cần thực hiện một cách khoa học, bài bản và theo hướng trọng tâm một số giải pháp sau:

+ Tập trung đào tạo, bồi dưỡng để mỗi cán bộ, KSV nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ngành; xác định rõ vị trí, vai trò của Ngành trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp khác và trong bộ máy nhà nước, giúp cho mỗi KSV phát huy được tính độc lập của mình, chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định trong hoạt động THQCT và KSĐT.

+ Đào tạo, bồi dưỡng để mỗi cán bộ, KSV phải có kiến thức pháp lý sâu rộng, kỹ năng nghiệp vụ nhất là pháp luật hình sự và TTHS; ngoài ra trong công tác giải quyết các vụ án có bị can là NCTN đòi hỏi cán bộ, KSV phải có kiến thức xã hội sâu rộng, hiểu biết và nắm bắt được tâm, sinh lý của NCTN...

+ Hàng năm, ngành Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh phải chủ động xây dựng

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đăng ký, cử cán bộ, KSV đi đào tạo. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức nghiên cứu khoa học, hội thảo, đào tạo ngoại ngữ, tin học.

Xuất phát từ tính đặc thù của hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; cán bộ, KSV ngành Kiểm sát thường xuyên phải đối mặt với những tiêu cực của xã hội, tiếp xúc với nhiều loại vi phạm, tội phạm. Trong môi trường, điều kiện, hoàn cảnh như vậy dễ làm cho mỗi người có thể bị sa ngã nếu không có lập trường chính trị vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt. Để thực hiện hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, ngành Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

+ Tiếp tục đẩy mạnh việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, tổ chức các lớp tập huấn, quán triệt nghiêm túc và sâu rộng các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của Ngành.

+ Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra để kịp thời khắc phục, uốn nắn hoặc kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời các cán bộ, KSV có vi phạm trong hoạt động nghiệp vụ làm trong sạch đội ngũ cán bộ.

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế hoạt động nghiệp vụ, các quy định, nội quy kỷ luật của Ngành, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc trong toàn Ngành.

3.2.5. Đổi mới về nội dung và phương pháp kiểm sát điều tra vụ án có bị can là người chưa thành niên

Nhằm đổi mới nội dung và phương pháp kiểm sát điều tra vụ án có bị can là NCTN, ngành Kiểm sát tỉnh Bắc Ninh cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Trong hoạt động kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: Phải thực hiện xây dựng đầy đủ 100% hồ sơ kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Hàng ngày, KSV được phân công kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải chủ động phối hợp với ĐTV làm tốt công tác phân loại xử lý thông qua việc đối chiếu, rà soát những số liệu do CQĐT thụ lý. Hàng tháng, lãnh đạo các đơn vị chủ trì phối hợp với lãnh đạo Cơ quan điều tra cùng cấp kiểm tra, đối chiếu toàn bộ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã thụ lý trong tháng, để thống nhất biện pháp giải quyết. Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm phức tạp, gặp khó khăn trong đánh giá chứng cứ, lãnh đạo các đơn vị chủ động họp bàn với Thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp xây dựng kế hoạch xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với NCTN trong quá trình tiến hành tố tụng: Chỉ áp dụng những biện pháp tạm giam khi không có biện pháp nào khác, vì áp dụng biện pháp tạm giam có thể gây tổn hại lâu dài đối với NCTN, do tách họ ra khỏi gia đình, cộng đồng, đưa họ vào trạng thái có suy nghĩ bị xâm hại về thể chất và cũng dễ nhiễm các thói xấu của những người cùng phòng tạm giam, bị dừng ngay việc học tập, bị bạn bè xa lánh... Nếu phải tạm giam, thì KSV phải kiểm sát và đảm bảo NCTN được giam riêng, khi thấy không cần thiết áp dụng biện pháp tạm giam thì có thể thay đổi, áp dụng các biện pháp thay thế khác phù hợp. KSV phải thường xuyên kiểm tra nhà tạm giữ, trại tạm giam nhằm đảm bảo đúng chế độ theo pháp luật quy định. Chống khuynh hướng bắt, tạm giữ, tạm giam thay cho điều tra, hoặc bắt tạm giam sau đó phải đình chỉ vụ án hoặc trả tự do, xử lý hành chính, xử phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ...

- Trong quá trình điều tra, KSV phải tích cực bám sát vào quá trình điều tra thông qua các hành vi trực tiếp kiểm sát như khám nghiệm hiện

trường, tử thi; thực nghiệm điều tra; khám xét, thu thập dấu vết, tài liệu, vật chứng; hỏi cung bị can, ghi lời khai nhân chứng, các biên bản về hoạt động điều tra như đối chất...; kết hợp giữa việc trực tiếp tham gia hoạt động điều tra với kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ điều tra của Điều tra viên.

Kịp thời nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để tác động với cơ quan điều tra định hướng điều tra và giải quyết các tình huống xảy ra theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát cấp dưới cần tranh thủ ý kiến và sự giúp đỡ của Viện kiểm sát cấp trên đối với những vụ án phức tạp thuộc thẩm quyền cấp mình giải quyết theo chế độ thỉnh thị án để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, nhanh chóng kết thúc vụ án.

- Cần thực hiện tốt việc phối hợp, hỗ trợ giữa các khâu kiểm sát điều tra, kiểm sát giam giữ (thông báo các trường hợp tạm giữ, tạm giam đã quá thời hạn theo lệnh; các trường hợp giam giữ chung người thành niên và NCTN...) nhằm kịp thời giải quyết, xử lý đúng đắn vụ án.

- Trước khi kết thúc điều tra vụ án, KSV phải phối hợp chặt chẽ với ĐTV rà soát lại toàn bộ chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và các thủ tục tố tụng đối với vụ án, bị can; khi cần thiết có thể trực tiếp cùng với ĐTV lấy lời khai, hỏi bản cung tổng hợp để đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ phạm tội của từng bị can trong vụ án. Đồng thời, khắc phục những thiếu sót, sơ hở trong việc thu thập chứng cứ, tài liệu để kết luận hành vi phạm tội của các bị can trong vụ án. Sau khi kết thúc điều tra, KSV tiếp tục nghiên cứu kỹ hồ sơ, phát hiện kịp thời những mâu thuẫn trong vụ án; thực hiện việc phúc cung tổng hợp đối với từng bị can, nhất là đối với những vụ án phức tạp, bị can phạm tội nghiêm trọng, bị can chối tội, phản cung hoặc có mâu thuẫn giữa các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để từ đó đề xuất đường lối xử lý vụ án.

- Viện kiểm sát hai cấp cần mở sổ theo dõi đầy đủ, kịp thời để tích lũy vi phạm của CQĐT để tổng hợp, xác định nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi

phạm. Trên cơ sở đó ban hành kiến nghị, đưa ra các biện pháp để khắc phục vi phạm nhằm bảo đảm cho công tác điều tra được nâng cao, pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

3.2.6. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên

Hoạt động phối hợp với CQĐT vừa là trách nhiệm, vừa là điều kiện để nâng cao chất lượng công tác kiểm sát nói chung và hoạt động KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN nói riêng.

Mối quan hệ giữa CQĐT với Viện kiểm sát được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định, đồng thời được thực hiện theo những hình thức cơ bản: CQĐT và Viện kiểm sát có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với nhau trong hoạt động TTHS, bắt đầu từ việc tiếp nhận tin báo tội phạm và khởi tố vụ án. Hoạt động KSĐT của Viện kiểm sát mang tính chế ước hoạt động điều tra của CQĐT trong TTHS theo quy định của pháp luật, mà cụ thể trong giai đoạn khởi tố vụ án là kiểm sát việc khởi tố... Do vậy, giữa hai cơ quan phải phối hợp thường xuyên, thông tin cho nhau biết về những vấn đề liên quan đến giải quyết vụ án, không để bất đồng mâu thuẫn gây khó khăn cho công tác điều tra khám phá vụ án và ngược lại cũng không được nể nang thông cảm cho những thiếu sót để dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật.

Hoạt động tố tụng của CQĐT là đối tượng chịu sự kiểm sát của VKSND. Vì sự đan xen ấy nên, nếu không có sự phối hợp chặt chẽ, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ theo luật định thì VKSND sẽ gặp khó khăn, thậm chí gặp lực cản trong hoạt động KSĐT. Xây dựng được mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa hai cơ quan này sẽ tránh được tình trạng “quyền anh, quyền tôi” trong tiến hành tố tụng, đồng thời sẽ tập trung trí tuệ của cả KSV và ĐTV để việc điều tra tội phạm nhanh chóng thu được kết quả.

Để có sự phối kết hợp hiệu quả, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã chủ động xây dựng Quy chế phối hợp trong công tác giải quyết án hình sự trong đó có quy định về việc hợp thường xuyên và bất thường giữa CQĐT với Viện kiểm sát; các vấn đề chưa có hướng dẫn cụ thể của cấp trên; giải quyết những khó khăn vướng mắc trong hoạt động tố tụng để thống nhất việc giải quyết. Các vụ án có bị can là NCTN phải phân công cho ĐTV, KSV có kinh nghiệm, có hiểu biết về tâm lý học của NCTN... Trong Quy chế phối hợp đã quy định rõ nhiệm vụ quyền hạn của mỗi cơ quan, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành do pháp luật quy định, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc bỏ qua nguyên tắc, xử lý tùy tiện.

3.2.7. Tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc và đảm bảo chính sách đãi ngộ cho cán bộ, Kiểm sát viên

Thực hiện tinh thần của các Chỉ thị và Nghị quyết của Đảng, trong thời gian qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã có sự quan tâm đặc biệt đối với các cơ quan tư pháp nói chung, với ngành Kiểm sát nói riêng. Nhờ đó cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc của các cơ quan Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã có sự cải thiện rõ rệt. Hầu hết trụ sở các đơn vị đã được xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc và mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn. Chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, KSV đã có những bước tiến bộ như phụ cấp, bồi dưỡng phiên tòa và khám nghiệm hiện trường, công tác phí... Nhờ đó điều kiện làm việc cũng như đời sống cán bộ KSV phần nào được cải thiện. Điều đó tạo ra sự phấn khởi, thoải mái nhất định trong các cán bộ, KSV.

Tuy nhiên, so với thực tế yêu cầu của công tác kiểm sát trong hoàn cảnh hiện nay thì còn những vấn đề khó khăn đặt ra như: một số trụ sở làm việc ở VKSND cấp huyện đã xây dựng trên 20 năm, tuy được cải tạo sửa chữa nhưng không đáp ứng được với yêu cầu trong tình hình mới, khu vực

làm việc quá chật chội (có nơi 3 Kiểm sát viên/phòng 10m²); một số trang thiết bị làm việc sẵn có thì đã lạc hậu, những cái mới có thì còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu... So với yêu cầu nhiệm vụ thì chế độ trách nhiệm của các KSV rất nặng nề, trong đó đồng lương lại thấp, chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng nên đời còn gặp nhiều khó khăn; một số cán bộ, KSV phải chật vật, lo toan cuộc sống hàng ngày nên không yên tâm và nhiệt tình dồn tâm sức cho công tác chuyên môn nên ảnh hưởng một phần đáng kể tới chất lượng công tác.

Do vậy, cần có hướng đầu tư và hỗ trợ hơn nữa để đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho VKSND hai cấp như xây dựng, nâng cấp các trụ sở làm việc theo quy mô mới; tăng cường đầu tư và trang bị cơ sở vật chất và các phương tiện để phục vụ công việc... Cần có chính sách tháo gỡ ở tầm vĩ mô nhằm cải thiện thang bảng lương, chế độ phụ cấp đãi ngộ thỏa đáng tương xứng với khối lượng và tính chất công việc đối với cán bộ kiểm sát.

Kết luận chương 3

Từ việc nghiên cứu cụ thể những dự báo các yếu tố tác động đến hoạt động KSĐT và các yêu cầu đảm bảo chất lượng KSĐT của VKSND đối với các vụ án có bị can là NCTN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tại chương 3, tác giả đã đề ra một số giải pháp đối với Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác KSĐT đối với các loại tội phạm nói chung và KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN nói riêng, đáp ứng yêu cầu tiến trình cải cách tư pháp của nước ta hiện nay.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, tình hình tội phạm nói chung, tội phạm do NCTN thực hiện nói riêng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có nhiều diễn biến phức tạp. Do đó, việc điều tra, thu thập chứng cứ của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, hoạt động KSĐT của VKSND đối với vụ án hình sự có bị can là NCTN nói riêng còn gặp khó khăn, hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách cơ bản hoạt động của VKSND trong giai đoạn điều tra các vụ án có bị can là NCTN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, từ đó đề những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động THQCT và KSĐT; xử lý đối với loại tội phạm này có ý nghĩa rất thiết thực của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh.

Nhằm nâng cao chất lượng KSĐT các vụ án có bị can là NCTN ở Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh, tác giả luận văn đã sử dụng, kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và tiếp thu những thành tựu của những người đi trước, so sánh và đối chiếu những tài liệu, sách chuyên khảo để phân tích, đánh giá thực trạng KSĐT vụ án hình sự có bị can là NCTN. Để từ đó đề ra những giải pháp khắc phục và nâng cao chất lượng hoạt động KSĐT vụ án có bị can là NCTN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015, đề tài đã chỉ ra những mặt tích cực, hạn chế, nguyên nhân tồn tại và những vướng mắc trong hoạt động KSĐT. Tác giả, đã đưa ra những kiến nghị và đề xuất một số giải pháp chủ yếu làm cơ sở để hoàn thiện về mặt lý luận và góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KSĐT đối với loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Kết quả nghiên cứu đề tài không những góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về hoạt động của VKSND trong giai đoạn điều tra các vụ án có bị can là NCTN, mà còn góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống

lý luận về hoạt động của VKSND trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự có bị can là NCTN.

Về mặt thực tiễn, những nội dung nghiên cứu của đề tài có thể làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo, phục vụ công tác nghiên cứu hoàn thiện pháp luật; nhất là pháp luật hình sự và TTHS; góp phần nâng cao hiệu quả vai trò VKSND trong hoạt động điều tra vụ án hình sự có bị can là NCTN và thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ.

Những kết quả đã đạt được trong luận văn cho thấy có sự nỗ lực, cố gắng của bản thân tác giả; sự giúp đỡ nghiêm túc và tinh thần đầy trách nhiệm của các thầy cô, các nhà khoa học, các đồng nghiệp trong ngành Kiểm sát và đặc biệt là sự giúp đỡ của thầy hướng dẫn khoa học luận văn này. Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu và khả năng của bản thân tác giả, nên luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Tác giả luận văn mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học và các đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2004), *Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự*, Tạp chí kiểm sát, Hà Nội.
2. Trần Văn Dũng (2003), *Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*” Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện chính trị quốc gia Hồ chí Minh.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị về một số công việc cấp bách của các cơ quan Tư pháp cần thực hiện trong năm 2000*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác trong thời gian tới*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

11. Hương My (2009), “*Tình trạng người chưa thành niên phạm tội, thiếu các dịch vụ hỗ trợ công cộng*” Báo Bảo vệ pháp luật, (101) ngày 18/12/2009.
12. Hồ Chí Minh Toàn tập (T5), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (2002), Hà Nội.
13. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội (1996), *Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*.
14. Vũ Thị Thu Quyên (2015), *Pháp luật về quyền của người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam*, Luận văn tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
15. Quốc hội (1995), *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1992, 2013)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
17. Quốc hội (1999, 2009, 2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
18. Quốc hội (2002, 2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
19. Quốc hội (2003, 2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
20. Quốc hội (2004), *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, Hà Nội.
21. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động*, Hà Nội
22. Lê Hữu Thế (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
23. Mai Thoa (2009), “*Tội phạm tuổi vị thành niên, nguồn gốc từ gia đình*”, Báo Công lý, (92), ngày 18/11.
24. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
25. Nguyễn Huy Thuật chủ biên (1994, 1995), *Giáo trình Khoa học điều tra hình sự, tập 1, 2, 3, 4* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
26. Hà Mạnh Trí (2003), “*Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và*

- kiểm sát hoạt động tư pháp góp phần đẩy mạnh cải cách tư pháp*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số tháng 01/2003.
27. Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người (2001), *Tài liệu hội thảo khoa học quyền con người trong tổ tụng hình sự*, Hà Nội.
 28. Trường Cao đẳng Kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình Công tác kiểm sát*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 29. Trường Đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 30. Lại Hợp Việt (2010), *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân trước yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế*, Tạp chí kiểm sát, Hà Nội.
 31. Võ Khánh Vinh chủ biên (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
 32. Võ Khánh Vinh chủ biên (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
 33. Võ Khánh Vinh chủ biên (2014), *Luật hình sự Việt Nam- Phần chung*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
 34. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng (2005), *TTLT số 05/2005/VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003*, Hà Nội.
 35. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VTC ngày 02/01/2008*, Hà Nội.
 36. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên*.

37. Viện kiểm sát nhân dân-Công an-Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2014), *Quy chế phối hợp liên ngành giải quyết án hình sự*, Bắc Ninh.
38. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, *Báo cáo thống kê kỳ 12 tháng các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*, Bắc Ninh.
39. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*, Bắc Ninh.
40. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.

Bảng 2.1: Số liệu thống kê các vụ án hình sự, bị can trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 – 2015

| Năm | Tổng số vụ phạm pháp hình sự đã phát hiện khởi tố | Tổng số bị can đã phát hiện khởi tố |
|-------------|--|--|
| 2011 | 1037 | 1937 |
| 2012 | 1107 | 2064 |
| 2013 | 1264 | 2356 |
| 2014 | 1283 | 2262 |
| 2015 | 1221 | 2008 |
| Tổng | 5912 | 10627 |

Nguồn: Báo cáo thống kê ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 [38]

Bảng 2.2: Số vụ án hình sự và số bị can là người chưa thành niên so với tổng số số vụ án hình sự và tổng số bị can trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015

| Năm | Số vụ và số bị can nói chung | | Số vụ và số bị can là NCTN | | Tỷ lệ % giữa (3) và (1) | Tỷ lệ % giữa (2) và (4) |
|-------------|------------------------------|---------------|----------------------------|---------------|-------------------------|-------------------------|
| | Số vụ (1) | Số bị can (2) | Số vụ (3) | Số bị can (4) | | |
| 2011 | 1037 | 1937 | 51 | 74 | 4,9% | 3,8% |
| 2012 | 1107 | 2064 | 40 | 68 | 3,6% | 3,3% |
| 2013 | 1264 | 2356 | 63 | 107 | 5,0% | 4,5% |
| 2014 | 1283 | 2262 | 36 | 73 | 2,8% | 3,2% |
| 2015 | 1221 | 2008 | 41 | 61 | 3,4% | 3,0% |
| Tổng | 5912 | 10627 | 231 | 383 | 3,9% | 3,6% |

Nguồn: Báo cáo thống kê kỳ 12 tháng các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh [38]

Bảng 2.3: Số liệu thống kê các loại tội phạm hình sự do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015

| Tội danh | Điều luật | Số vụ | Số NCTN | Tỷ lệ % so với tổng số người phạm tội là NCTN |
|--|-----------|------------|------------|---|
| Trộm cắp tài sản | 138 | 66 | 115 | 30,0% |
| Cướp tài sản | 133 | 38 | 62 | 16,2% |
| Cố ý gây thương tích | 104 | 36 | 51 | 13,3% |
| Đánh bạc | 248 | 13 | 28 | 7,3% |
| Giết người | 93 | 19 | 22 | 5,7% |
| Lừa đảo chiếm đoạt tài sản | 139 | 10 | 16 | 4,2% |
| Cướp giật tài sản | 136 | 7 | 14 | 3,7% |
| Tàng trữ trái phép chất ma túy | 194 | 7 | 9 | 2,3% |
| Cưỡng đoạt tài sản | 135 | 3 | 8 | 2,1% |
| Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản | 140 | 4 | 8 | 2,1% |
| Gây rối trật tự công cộng | 245 | 3 | 7 | 1,8% |
| Hiếp dâm trẻ em | 112 | 3 | 6 | 1,6% |
| Làm nhục người khác | 121 | 3 | 6 | 1,6% |
| Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện GT đường bộ | 202 | 6 | 6 | 1,6% |
| Hủy hoại tài sản | 143 | 2 | 5 | 1,3% |
| Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có | 250 | 2 | 5 | 1,3% |
| Hiếp dâm | 111 | 2 | 4 | 1,0% |
| Không tố giác tội phạm | 314 | 2 | 4 | 1,0% |
| 04 tội danh khác | | 4 | 4 | 1,8% |
| Tổng cộng | | 231 | 383 | 100,0% |

Nguồn: Báo cáo thống kê kỳ 12 tháng các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh [38]

**Bảng 2.4: Số liệu nhân thân người chưa thành niên phạm tội
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015**

| T T | Năm | Tổng số b/can CTN | Từ 14 đến dưới 16 tuổi | Nữ | Đã thôi học | Tiền án, tiền sự | Đồng phạ m với ngườ i lớn | Trình độ văn hóa | | |
|-------------|------|----------------------------|------------------------------------|-----------|-------------------|---------------------------|--|---------------------|------------|------------|
| | | | | | | | | Tiểu học | TH CS | TH PT |
| 1 | 2011 | 74 | 9 | 3 | 24 | 12 | 33 | | 35 | 39 |
| 2 | 2012 | 68 | 2 | 3 | 26 | 7 | 22 | | 30 | 38 |
| 3 | 2013 | 107 | 1 | 3 | 58 | 9 | 25 | | 47 | 60 |
| 4 | 2014 | 73 | 5 | 3 | 30 | 6 | 17 | | 35 | 38 |
| 5 | 2015 | 61 | 4 | 2 | 32 | 10 | 28 | | 39 | 22 |
| Tổng | | 383 | 21 | 14 | 171 | 44 | 125 | 0 | 186 | 197 |

*Nguồn: Báo cáo thống kê kỳ 12 tháng các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015
của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh [38]*

**Bảng 2.5: Số liệu về kết quả xử lý của Cơ quan điều tra,
Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2015**

| TT | Năm | Tổng số bị can CTN | Cơ quan điều tra | | | | Viện kiểm sát | | | |
|---|-------------|--------------------|------------------|----------|----------|-----------------|---------------|--------|----------|--------------|
| | | | Xử lý HC | Tạm ĐC | Đình chỉ | Đề nghị truy tố | Truy tố | Tạm ĐC | Đình chỉ | Trả HS ĐT BS |
| 1 | 2011 | 74 | | 1 | 1 | 72 | 69 | | 3 | 1 |
| 2 | 2012 | 68 | | | 2 | 66 | 66 | | | |
| 3 | 2013 | 107 | | | 1 | 106 | 105 | 1 | | 1 |
| 4 | 2014 | 73 | | 1 | | 72 | 72 | | | |
| 5 | 2015 | 61 | | | | 61 | 61 | | | |
| | Tổng | 383 | 0 | 2 | 4 | 377 | 373 | | 3 | 2 |
| Tỷ lệ % so với tổng số người phạm tội CTNPT | | | 0% | 0,52 % | 1,04 % | 98,4 % | 97,4 % | 0,26 % | 0,8% | |

Nguồn: Báo cáo thống kê kỳ 12 tháng các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh [38]